LUCKY STEEL®
BUILDING WITH CARE

BROCHURE

KẾT CẤU THÉP TIỀN CHẾ

容量概况 - 预制钢结构

2022 九月版

CÔNG TY CỔ PHẦN LUCKY STEEL BUILDINGS

吉利钢结构股份公司

“

BUILDING WITH CARE

MỤC LỤC
内容

Lời tựa 前言	04
Giá trị nền tảng 基本价值	07
Tầm nhìn - Sứ mệnh 视野 - 使命	08
Văn hóa - Giá trị cốt lõi 文化 - 基本价值	12
Triết lý quản lý 管理哲理	14
Mô hình giải pháp trọn gói 总解法模型	16
Sản phẩm 产品	18
Tại sao chọn Lucky Steel 为什么选择 *Lucky Steel*	42
Khách hàng & Đối tác 客户与合作伙伴	72
Dự án tiêu biểu 代表工程与项目	77

LỜI TỰA
前言

Xây dựng là một ngành nghề đặc thù trong xã hội, không thuộc nhóm ngành thương mại, cũng không thuộc nhóm ngành công nghiệp. Xây dựng đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong xã hội, đặc biệt là trong xã hội của những nước đang phát triển. Ngành xây dựng là khởi đầu nền móng cho mọi dự án từ nhà dân dụng cho hộ gia đình đến nhà cao tầng cho các cụm dân cư, nhà công nghiệp khởi tạo cho các ngành nghề sản xuất khác và đặc biệt là phân nhóm cơ sở hạ tầng là nền tảng cho sự phát triển của mọi quốc gia.

Trải qua nhiều năm, với sự phát triển nhanh chóng của xã hội, ngành xây dựng càng bị đòi hỏi cho sự thay đổi lớn lao từ giải pháp của thiết kế, giải pháp vật liệu, giải pháp thi công... tất cả đều được đòi hỏi thay đổi sâu rộng để đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Kết cấu thép ngày nay là loại hình sản phẩm đang được lựa chọn thay thế dần các loại sản phẩm bê tông cốt thép truyền thống khác. Với ưu điểm vượt trội của giải pháp kết cấu thép về khả năng chịu lực cao, nhẹ, bền, tiến độ nhanh và cực kỳ cơ động trong công tác lắp dựng, vận chuyển. Ngoài ra, ngày càng hướng đến giải pháp “Xanh” cho vật liệu sử dụng thì kết cấu thép càng được cân nhắc để lựa chọn cho các giải pháp xây dựng. Kết cấu thép ứng dụng được cho rất nhiều dạng công trình, kết cấu từ đơn giản đến phức tạp.

Không ít công trình danh tiếng trên thế giới sử dụng kết cấu thép như: The Chrysler Building (New York), tháp EIFFEL (Pháp)... Và ở Việt Nam, các công trình nhà cao tầng đang có khuynh hướng sử dụng kết cấu thép làm hệ khung xương chịu lực hay là làm cốt cứng (công trình biểu tượng của quốc gia “Landmark 81”) .

Với xu hướng áp dụng ngày càng rộng rãi, tốc độ tăng trưởng của các sản phẩm liên quan về thép tăng đều trên 10% hằng năm trong hơn 2 thập kỷ qua và tốc độ sẽ còn tăng nhanh hơn nữa trong những năm tới, trong đó Xây Dựng là ngành tiêu thụ chính của các sản phẩm liên quan đến vật liệu thép.

... Và chắc chắn rằng, trong tương lai không xa chúng tôi tin rằng sản phẩm kết cấu thép tiền chế sẽ dần dần thay thế các phương án xây dựng bằng vật liệu bê tông cốt thép truyền thống. Thị trường nhà cao tầng các nước đang phát triển ở Đông Nam Á trong đó có Việt Nam sẽ dần dần được thiết kế và sử dụng kết cấu thép tiền chế như các nước phát triển (Nhật Bản, Đài Loan, Trung Quốc...) đã và đang sử dụng.

建筑是社会中的一个特殊行业，不属于商业行业，也不属于工业行业。 建设在社会中扮演一个极其重要的角色， 特备是正在发展的社会。 建筑行业是所有项目的第一个基础，从家庭式的住宅，到居民群的高层楼，工业房屋是其他生产行业的初始。 特别是基础设施分组是每个国家发展的基础 。

多年来，随着社会的飞速发展，建筑行业从设计解决方案，材料解决方案的巨大变化中越来越要求变化.所有都 要求进行宽深变化以满足社会的需求 。

现今的钢结构是逐渐取代其他传统钢筋混凝土产品的产品类型。 钢结构解决方案的突出优点是受力能力高，重量轻，经久耐用，时间快，并且在安装和运输中极为灵活。 此外，越来越多的材料采用“绿色”解决方案，因此越来越多的钢结构被认为是建筑解决方案的选择。 结构钢适用于从简单到复杂结构的多种式样的工程 。

世界上许多著名的建筑物都使用钢结构，如克莱斯勒大厦（纽约），艾菲尔铁塔（法国）... ... 在越南，高层建筑的倾向正在使用钢结构作为 承载骨架框架系类或坚硬骨架（国家“ Landmark 81”的象征性作品）

随着采用的越来越多趋势，在过去的两个年代，钢铁相关产品的每年增长率一直稳定地超过10%，并且在未来几年中，速度将还更快的速度增长。 建筑是与钢材有关的行业的主要行销。

在不久的将来，我们相信，预制钢结构产品将逐渐代替用传统的钢筋混凝土材料的建筑方案，在东南亚地区其中有越南正在市场上发展高层建筑将逐步设计和使用预制钢结构。如发展各国家（日本，台湾，中国...）已及正在使用 。

Lê Công Vĩnh Lộc

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

董事长

GIÁ TRỊ NỀN TẢNG

基本价值

Với xu hướng của sự phát triển ngành xây dựng nói chung, ngành kết cấu thép tiền chế nói riêng. Chúng tôi, một tập thể EKIP giàu kinh nghiệm, tràn trề nhiệt huyết, quyết tâm tạo ra "**Lucky Steel Buildings**" – Một thương hiệu với slogan "**Building With Care**". Chúng tôi xây dựng giá trị thương hiệu dựa trên sự Quan Tâm, Chia Sẻ, thổi vào hồn của văn hóa công ty, tạo ra sản phẩm từ Trái Tim, từ sự Chân Thật, Chính Trực.

Lucky Steel, với một tập thể đồng lòng được ra đời dựa trên phương châm "**Làm gì để chúng ta cộng hưởng cùng nhau tạo ra thêm nhiều giá trị**". Chúng tôi tự tin kết hòa vào nhau để cùng chung nhịp đập con tim thổi hồn vào "Giải Pháp", mong muốn mang lại tính tối ưu cho sản phẩm, cho dự án và đồng hành cùng đi với đối tác trên con đường lâu dài "win-win".

Ở Lucky Steel, chúng tôi tạo ra văn hóa của "**Sự tri ân**". Chúng tôi không thể thành công, đi xa hơn nếu không có sự giúp đỡ, tin tưởng từ Đối tác, Khách hàng, Nhà cung cấp và tập thể Ban Giám Đốc, Cộng sự trong gia đình Lucky Steel - nơi mà chúng tôi mong ước mỗi ngày đi làm là một ngày vui.

Chúng tôi, tập thể Lucky Steel Buildings cam kết HÀNH ĐỘNG CỤ THỂ ĐỂ THAY LỜI MUỐN NÓI.

Thay mặt Hội Đồng Quản Trị, Hội đồng cổ đông sáng lập.

随着建筑业总体发展的总体趋势，特别是预制钢结构产业。我们，一个经验丰富，热情的团体，决心创建**"Lucky Steel Buildings"** - 一个以 **"Building With Care"** 为口号的品牌。我们依据分享，关注吹入公司文化的灵魂，从心，真理，正直创造产品。

吉利钢铁公司与一支团结一致的团队诞生于宗旨"**我们如何共鸣以创造更多价值**"。我们有互相结合的自信，以一颗心共同搏动吹入"解决"的灵魂，期望带来产品最优性，给项目并合作伙伴同行在长远的路径上"win-win"。

在 Lucky Steel，我们创造了"**知恩**"的文化。我们不能成功，无法走的更远如没有合作伙伴，客户，供应商以及董事会，吉利钢铁建筑家庭中的共事，在我们 盼望每天上班是快乐的一天。

我们 Lucky Steel Buildings 团体，承诺于采用具体行动来替想说的活。

代表董事会，创始股东大会。

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

董事长

Lê Công Vĩnh Lộc

TẦM NHÌN
视野

Trở thành công ty chuyên nghiệp trong ngành xây dựng nói chung, nòng cốt là ngành kết cấu thép tiền chế.

"Khai phóng" con người (Khai minh + Giải phóng), đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, song song đó là xây dựng cơ sở vật chất để vận hành hiệu quả cao.

Trước năm 2025, doanh số tăng đều ~15% hàng năm và thuộc một trong những công ty hàng đầu của ngành kết cấu thép Việt Nam.

Trước năm 2030, thuộc top 10 Doanh số và thương hiệu đạt trong phân nhóm 2 của ngành kết cấu thép Việt Nam.

总体上成为建筑行业的专业公司，其核心是预制钢结构行业。

"开放"人类（开明+解放），培训，开发人力资源的同时建设物质基础以高效运作。

在2025年之前，销售额将以每年15%的速度稳定增长，并成为越南钢结构行业的第三分。

到2030 年之前，在钢结构行业品牌达到第二分组和营业额排名前。

SỨ MỆNH
使命

Tạo ra "**Giải pháp**" trong sản phẩm, dịch vụ cho ngành xây dựng nói chung và ngành kết cấu thép tiền chế nói riêng nhằm mang lại lợi ích thực, hiệu quả kinh tế, đồng hành cùng với khách hàng, đối tác, thầu phụ và cộng đồng.

总体而言在建筑行业，尤其是预制钢结构业的产品和服务中创建"**解法**"，以带来经济效益，带来真正的利益，并陪伴客户和合作伙伴，分包商和社区。

VĂN HÓA & GIÁ TRỊ CỐT LÕI
文化 & 基本价值

CHÂN + THIỆN + "TRỌNG # TÍN"

真 + 善 + (重 # 信)

Chân thật xây dựng lên tính Chính Trực trong "Giá trị cốt lõi".
"Chân thật, chính trực" như là một phần tất yếu luôn nằm trong ngăn của một trái tim yêu nghề. Bộ não luôn vận hành suy nghĩ tìm giải pháp nào tốt, tốt hơn nhằm mang lại giá trị cho sản phẩm, cho đối tác, cho cộng đồng.

Thiện chí, phối hợp, chia sẻ cùng nhau xuất phát từ sự Quan Tâm trong "Văn Hóa".
"Thiện" trong giao tiếp, bàn bạc, trao đổi kiến thức, kinh nghiệm. Một môi trường làm việc với sự quan tâm lẫn nhau đến từ sự rung cảm của trái tim. Bộ óc **"minh định"** với con tim **"có hồn, ấm áp"** trong cái đầu sáng.

Tự Trọng và Tôn Trọng song hành Uy Tín cho mọi lời cam kết, mọi hành động.
Mỗi cá nhân cộng sự trong công ty luôn luôn giữ được lòng tự trọng của bản thân để cống hiến và chịu trách nhiệm cho mỗi hành động của mình, song song đó tôn trọng đồng nghiệp, tôn trọng đối tác sẽ tự tạo nên chữ **Tín**. Trên tất cả, trong mỗi nhân viên, cộng sự luôn giữ được trái tim ấm áp, trái tim có hồn sẽ tạo ra những sản phẩm có hồn, có giá trị bền vững, gắn kết lâu dài, đồng hành đi xa cùng nhau. **"Nói được, làm được"** hành động cụ thể thay lời cam kết, Uy **Tín** bền vững.

真实建立“基本价值”的正直性。
“真实，正直”如一直位于职业道德一颗心内的必要一部分。 大脑一直在思考越来越好的解法以便为产品，合作伙伴和社区带来价值。

善意，配合，共同分享出发从“文化”的关注，
“**善**”在沟通，讨论，知识和经验交流方面中，来自打动颗心互相关注的一个工作环境，在一个明亮头中有“**明定**”的大脑与“**有魂儿，温暖**”的颗心 。

自尊&尊重并行每个承诺，每个行动的威信。
公司中的每个共事一直保持本身的自尊心，以便对于每个行动贡献及负负责任，尊重合作伙伴将创建信的字。 最重要的是，在每位职员， 共事一直保持一颗温暖的心，一颗有灵魂的心将创造出具有魂儿的产品，有牢固价值，维系长久，一起走远。 “**说话，可做**”具体行动代替承诺，威**信**牢固。

TRIẾT LÝ QUẢN LÝ

管理哲理

LẤY "NHÂN" LÀM GỐC

"Nhân" Sự → Phát triển tổ chức
"Nhân" Văn → Cùng nhau đi xa
"Nhân" Ái → Chia sẻ cộng đồng

Công ty Lucky Steel Buildings hướng đến mục tiêu trọng yếu là "**Dịch Vụ**" & "**Chất lượng**" với thông điệp tạo ra giải pháp tốt và tốt hơn nữa. "Dịch Vụ" là mắt xích trung tâm, các mắt xích khác trong sâu chuỗi của quá trình, quy trình của các khâu trong công ty đều nhắm về mục tiêu "Dịch Vụ" để phục vụ đối tác, khách hàng.

Thành quả, kết quả của một cá nhân, của một nhóm làm ra sẽ là đầu vào của một cá nhân, của một nhóm/phòng khác trong nội bộ công ty. Và cứ thế được luân chuyển, vận hành đồng nhịp trong một chuỗi liên kết. Kết quả cuối cùng của sản phẩm được tạo ra trong một chuỗi liên kết sẽ là sản phẩm bàn giao đến khách hàng, đối tác, cộng đồng.

取"人"当本

"人" → 事 组织发展
"人" → 文 一起走远
"人" → 爱 共同分享

吉利钢结构公司往主要目标是"**服务**"。"**服务**"&"**质量**"与创造良好及更良好的解法"**服务**"是中心环节，过程的链中其他环节，公司的各环节流程都为了服务合作伙伴，客户的"**服务**"。

个人，团队做出的结果，成就将是个人，公司内部其他部门/一组，个人的输入。并那么着 轮转。 在链锁中节奏运行，在连锁中造出最终的产品结果为移交给社区，合作伙伴，客户的产品。

MÔ HÌNH GIẢI PHÁP TRỌN GÓI
总解法模型

Đội ngũ kỹ sư thiết kế nhiều năm kinh nghiệm trong ngành với nhiều dạng kết cấu phức tạp khác nhau.

具有多年行业经验及多样复杂不同钢结构的设计工程师队伍。

Thiết kế cơ sở với những thông tin chính được thể hiện để khách hàng có cái nhìn tổng quan.

显示主要信息的基本设计，以便客户有综观观察。

Tối ưu hóa thiết kế để tăng tính kinh tế cho dự án nhưng vẫn đảm bảo chất lượng, đảm bảo an toàn theo code thiết kế.

设计优化，以增加项目的经济性，但仍按设计规范确保质量和安全性。

Báo giá, tư vấn phương án, thương lượng giá thành và các điều khoản khác để thống nhất thực hiện ký kết hợp tác.

报价，方案咨询，谈判价格及其他条款以统一实现合作签订。

1 THIẾT KẾ CƠ SỞ
基本设计

2 ĐỀ XUẤT BẢN VẼ
建议图纸

3 DỰ TOÁN CHI PHÍ, TỐI ƯU THIẾT KẾ
费用预算，优化设计

4 THỐNG NHẤT, KÝ KẾT HỢP ĐỒNG
协议，签订合同

Kiểm tra, nghiệm thu chất lượng sản phẩm nội bộ theo quy trình chặt chẽ.

按照严格的流程检查和验收内部产品的质量。

Dùng bản vẽ sản xuất chỉnh sửa sau cùng để tiến hành công tác sản xuất tại xưởng. Hệ thống sản xuất với quy trình chặt chẽ, kiểm soát chất lượng từng khâu nhằm hạn chế tối đa sai sót.

使用最终的修改过的生产图纸在工厂进行生产工作。.生产系统与严格的过程，每个环节的质量控制以最大程度地减少错误。

Thực hiện dựng model 3D chi tiết phục vụ cho sản xuất bằng các phần mềm tiên tiến mang lại hiệu quả và chính xác cao.

通过等先进软件为生产服务实现详细的3D模型，从而带来效果和精确高。

Triển khai thiết kế kết cấu chi tiết các thông số từ bản vẽ thiết kế thống nhất với khách hàng để đệ trình bản vẽ phê duyệt chính thức.

使用与客户一致的设计图纸中的参数来展开详细的结构设计，以递交正式图纸以供批准。

5 KIỂM TRA SẢN XUẤT
生产检查

6 SẢN XUẤT SẢN PHẨM
产品生产

7 THỰC HIỆN BẢN VẼ SẢN XUẤT
绘制生产图纸

8 TRIỂN KHAI THIẾT KẾ CHI TIẾT
展开详细设计

Tập kết, bộ phận kho lên kế hoạch đóng gói hàng hóa theo giai đoạn dựa vào tiến độ, thứ tự ưu tiên của công tác lắp dựng nhằm tối ưu tiến độ.

集中，仓库部门计划根据进度的阶段，安装工作的优先次序包装货物以优化进度。

Vận chuyển sản phẩm hoàn chỉnh đến công trường bằng nhiều phương án như đường bộ, đường thủy ...

通过多种方案将完整产品运输到工地，如陆路和水路，运输。

Đội ngũ kỹ sư giám sát, chỉ huy trưởng, kỹ sư an toàn lao động dày dặn kinh nghiệm, làm việc hăng say. Kiểm soát chi phí, quản lý tiến độ sát sao và tận dụng tối đa nhân lực đảm bảo chất lượng, an toàn.

经验丰富的劳动安全工程师，指挥长，监督工程师的队伍，起劲工作控制成本，密切管理工期并充分尽用人力确保质量，安全。

Kiểm tra chỉnh sửa lỗi defect, tiến hành nghiệm thu sản phẩm, bàn giao cho Quý đối tác đưa vào sử dụng và bảo hành sản phẩm.

检查和修改缺陷错误，进行产品验收，移交给合作伙伴投入使用和保修产品。

9 ĐÓNG HÀNG
装货

10 VẬN CHUYỂN
运输

11 LẮP DỰNG
吊装

12 BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG
投入使用移交

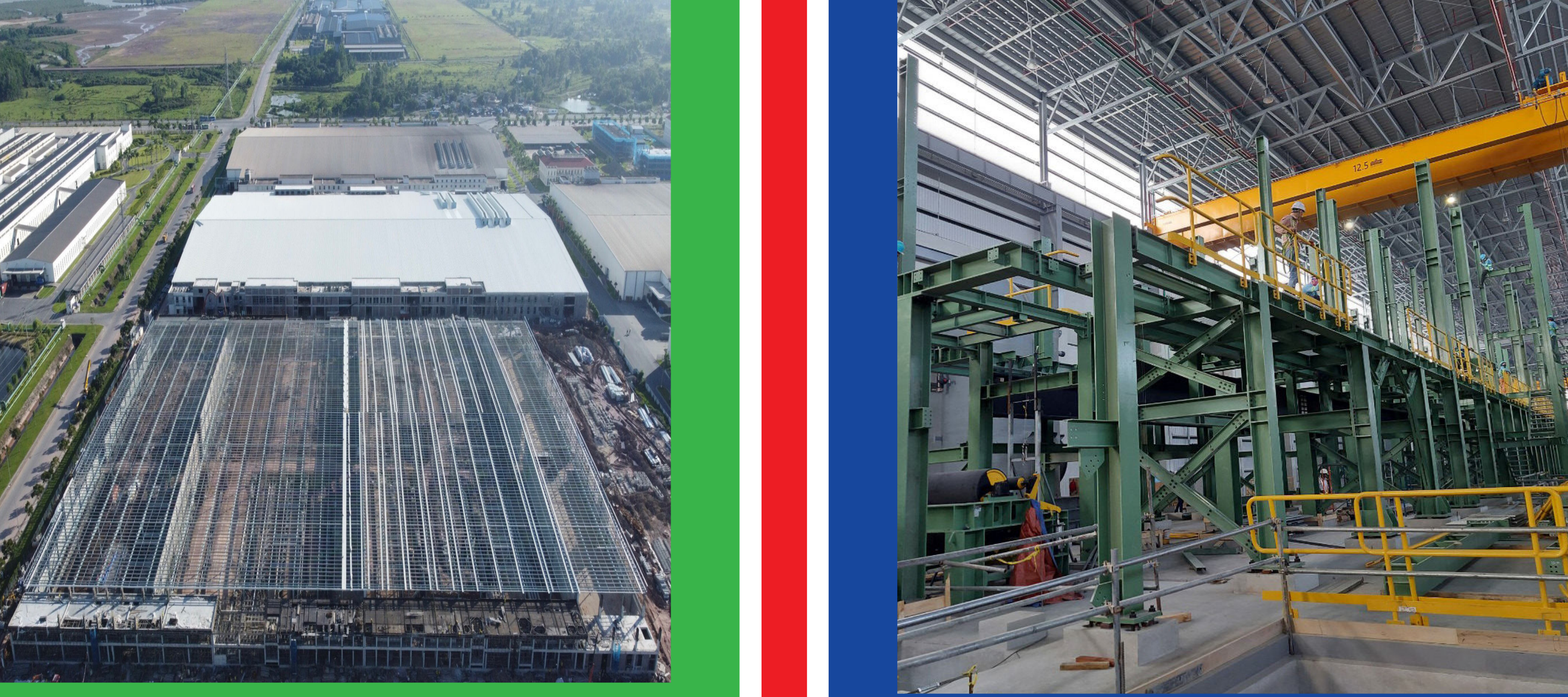

SẢN PHẨM
产品

1. NHÀ THÉP TIỀN CHẾ
预制钢结构房

1.1 KẾT CẤU KHUNG XƯƠNG
1.2 HỆ SẢN PHẨM PHỤ KIỆN HOÀN THIỆN
1.3 HỆ SẢN PHẨM BAO CHE

1.1 钢骨架结构
1.2 完善产品配件系类
1.3 维护产品系类

2. KẾT CẤU THÉP TIỀN CHẾ ĐẶC THÙ KHÁC
其他特殊预制钢结构

2.1 HỆ KING POST & SHORING PHỤC VỤ THI CÔNG NHÀ CAO TẦNG
2.2 HỆ KHUNG KẾT CẤU THÉP ĐỠ THIẾT BỊ M&E
2.3 HỆ KHUNG KẾT CẤU THÉP ĐẶC THÙ BĂNG CHUYỀN, BĂNG TẢI, CẦU ỐNG, KHUNG ĐÚC...

2.1 系类服务施工高层楼
2.2 支撑机电设备钢结构框架系类
2.3 铸造框架，高空管架，CONVEYOR 输 送带特殊样式钢结构框架系类 ...

1. NHÀ THÉP TIỀN CHẾ
预制钢结构房

A. KẾT CẤU KHUNG XƯƠNG
钢骨架结构

1. CỘT I 柱子
2. KÈO I 梁子
3. DẦM CẦU TRỤC I 支撑行车轨道的梁
4. CẦU TRỤC DI ĐỘNG I 行车
5. KHUNG NÓC GIÓ I 气楼/ 天井框架

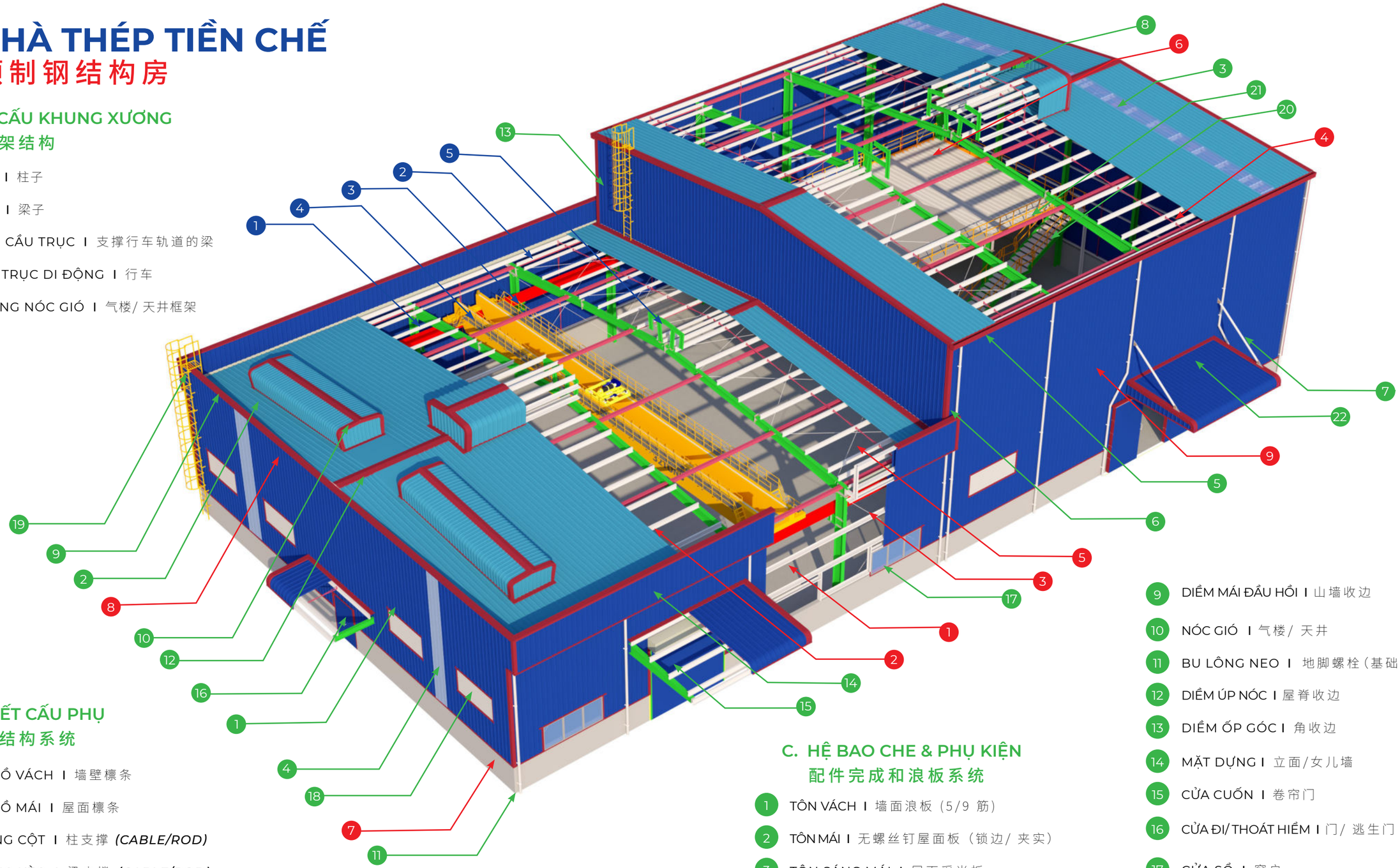

B. HỆ KẾT CẤU PHỤ
附注结构系统

1. XÀ GỒ VÁCH I 墙壁檩条
2. XA GỒ MÁI I 屋面檩条
3. GIẰNG CỘT I 柱支撑 *(CABLE/ROD)*
4. GIẰNG KÈO I 梁支撑 *(CABLE/ROD)*
5. TY GIẰNG XÀ GỒ I 檩条支撑
6. HỆ SÀN LỬNG KẾT CẤU THÉP I 夹层板系类钢结构
7. TƯỜNG GẠCH I 砖墙
8. TƯỜNG BÊN I 边墙
9. TƯỜNG ĐẦU HỒI I 山墙

C. HỆ BAO CHE & PHỤ KIỆN
配件完成和浪板系统

1. TÔN VÁCH I 墙面浪板（5/9 筋）
2. TÔN MÁI I 无螺丝钉屋面板（锁边/ 夹实）
3. TÔN SÁNG MÁI I 屋面采光板
4. TÔN SÁNG VÁCH I 墙壁采光板
5. MÁNG XỐI I 天沟
6. ỐNG XỐI/ THOÁT NƯỚC I 落水管/ 排水
7. TREO MÁI ĐÓN I 遮阳板悬挂
8. LƯỚI CHẮN CHIM/ CÔN TRÙNG I 挡昆虫/鸟网
9. DIỀM MÁI ĐẦU HỒI I 山墙收边
10. NÓC GIÓ I 气楼/ 天井
11. BU LÔNG NEO I 地脚螺栓（基础）
12. DIỀM ÚP NÓC I 屋脊收边
13. DIỀM ỐP GÓC I 角收边
14. MẶT DỰNG I 立面/女儿墙
15. CỬA CUỐN I 卷帘门
16. CỬA ĐI/ THOÁT HIỂM I 门/ 逃生门
17. CỬA SỔ I 窗户
18. LAM GIÓ I 百叶窗
19. THANG LỒNG I 屋面爬梯
20. CẦU THANG I 楼梯
21. LAN CAN I 栏杆
22. MÁI ĐÓN I 雨棚

1.1 HỆ KHUNG KÈO CHUẨN I 标准框架系类

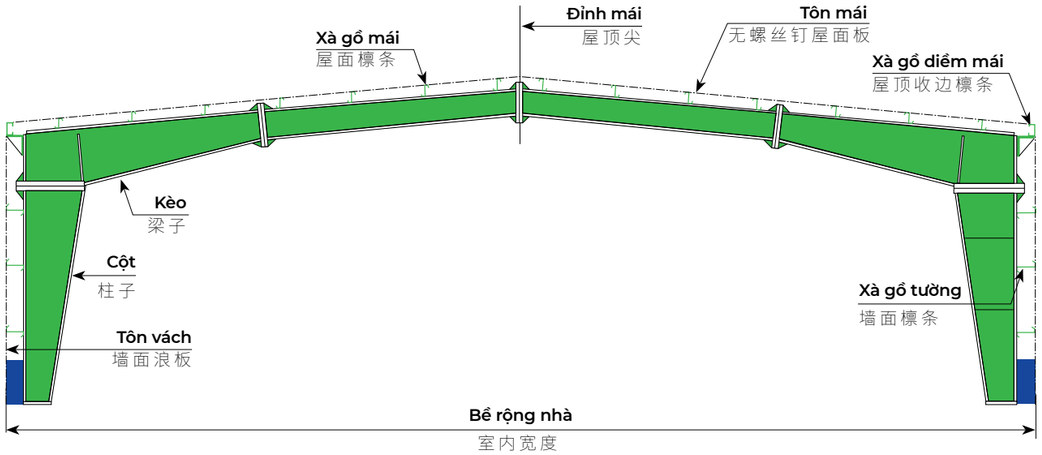

MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH I 典型剖面

CÁC LOẠI KHUNG TIÊU BIỂU I 典型框架结构

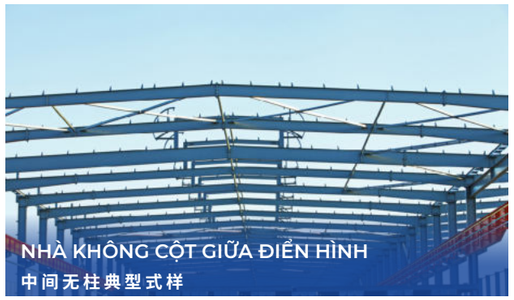
NHÀ KHÔNG CỘT GIỮA ĐIỂN HÌNH
中间无柱典型式样

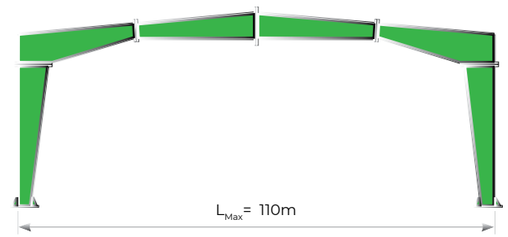

NHÀ 1 CỘT GIỮA KÈO CONG
拱形钢架，中间一根柱子

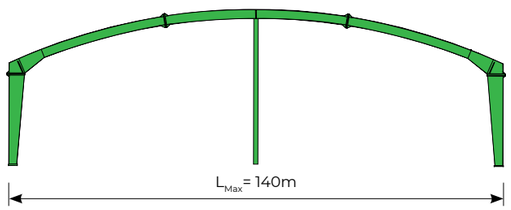

NHÀ KHÔNG CỘT GIỮA KÈO GIÀN
无柱空心钢梁式样

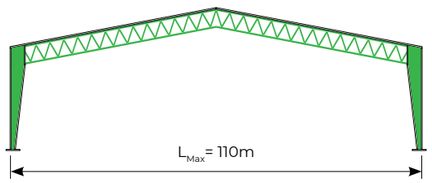

NHÀ MỘT MÁI
单坡屋面样式

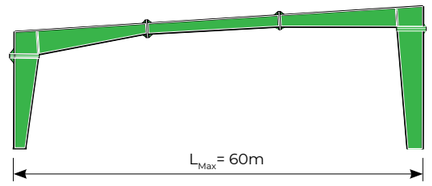

NHÀ 1 CỘT GIỮA
中间单柱的房式样/ MS1

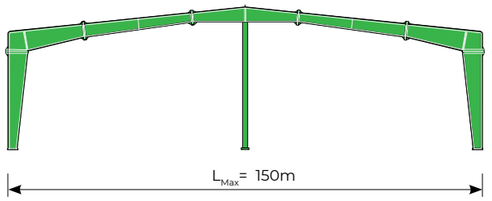

NHÀ 2 CỘT GIỮA
中间双柱的房式样 / MS2

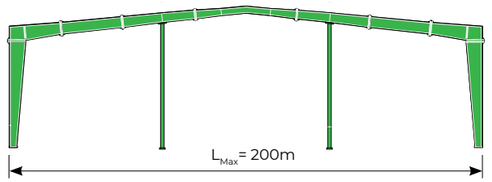

NHÀ 3 CỘT GIỮA
中间三柱的房样式 / MS3

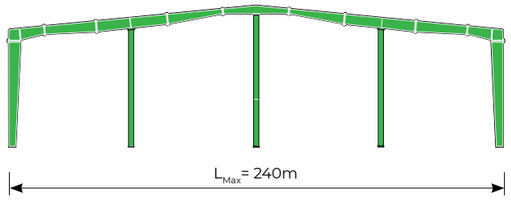

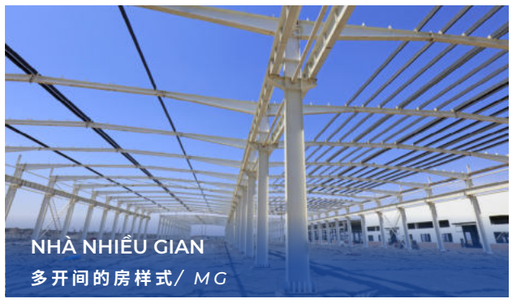
NHÀ NHIỀU GIAN
多开间的房样式/ MG

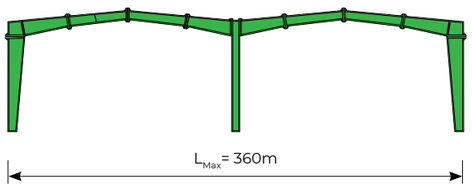

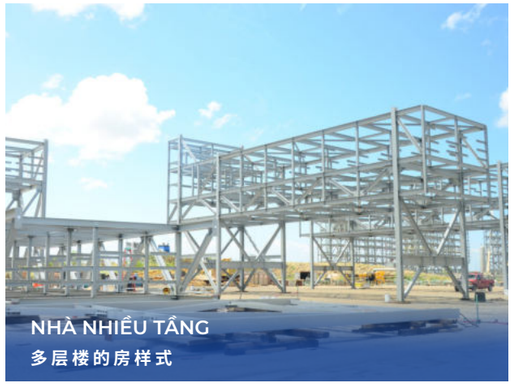

NHÀ NHIỀU TẦNG
多层楼的房样式

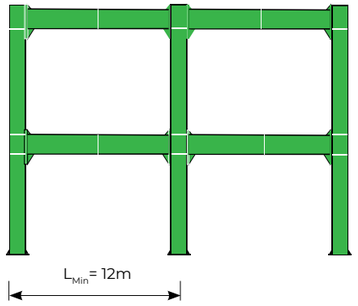

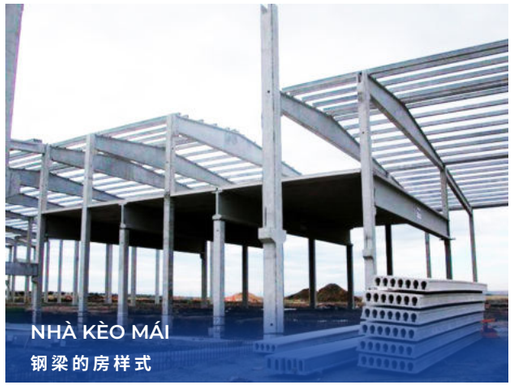

NHÀ KÈO MÁI
钢梁的房样式

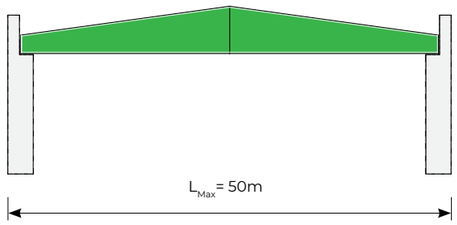

NHÀ KHO BULK (MÁI ĐỘ DỐC CAO)
BULK仓库（高坡度屋面）

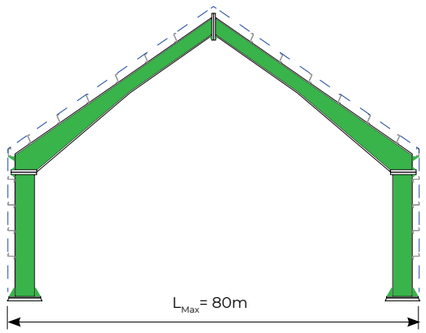

NHÀ BẢO TRÌ MÁY BAY
飞机维修房

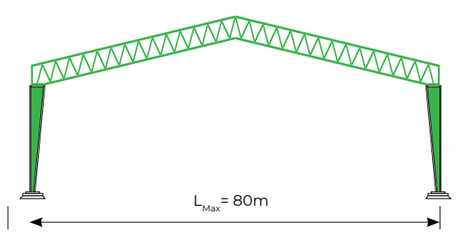

CÁC LOẠI KHUNG ĐẶC THÙ I 特殊框架系列

TRẠM XĂNG 2 CỘT GIỮA
中间双柱加油站

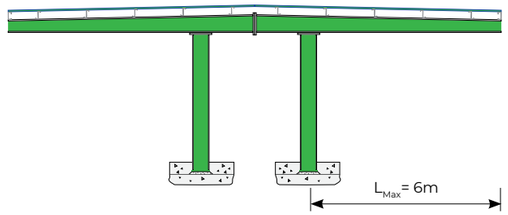

NHÀ XE HÌNH CON BÁO (CHEETAH)
豹猫型车棚

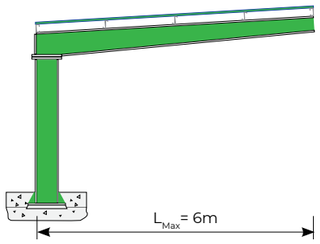

NHÀ XE HÌNH CON CHIM ƯNG (FALCON)
老鹰型车棚

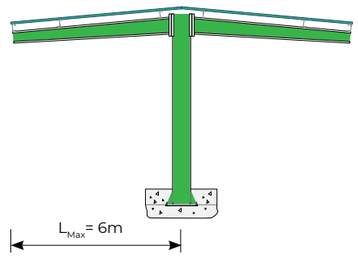

NHÀ XE HÌNH CON BƯỚM (BUTTERFLY)
蝴蝶型车棚

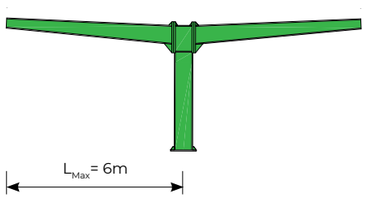

Ngoài những thông số tiêu chuẩn do Lucky Steel Buildings cung cấp, chúng tôi có thể tương tác và tư vấn để đáp ứng được với những dạng thông số khác theo nhu cầu của khách hàng.

除了 Lucky Steel Buildings提供的标准参数外，我们还可以根据客户需求互动及咨询以满足其他类型的参数。

1.2 HỆ CẤU KIỆN GIẰNG I 支撑构建系列

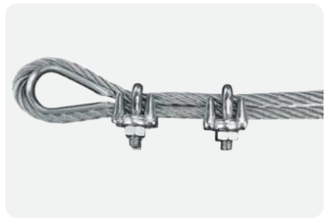

CÁP GIẰNG I 支撑钢索

THANH GIẰNG CHÉO 2L
斜拉杆

TĂNG ƠI LIÊN KẾT
螺丝扣

TY GIẰNG I 拉筋

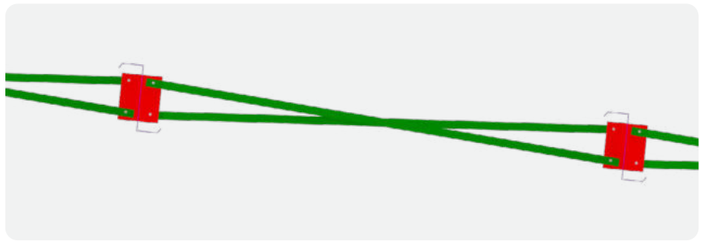

THANH GIẰNG I 匣式支撑

GIẰNG CỔNG I 龙门架支撑

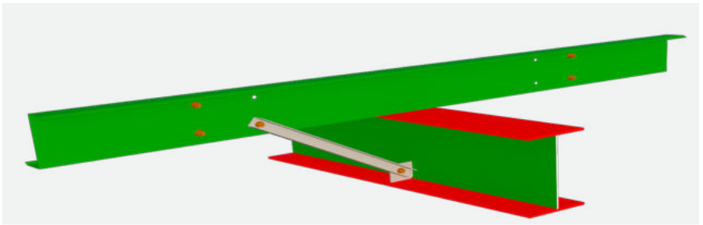

GIẰNG CÁNH I 屋架支撑

TRÁP GIẰNG & THANH GIẰNG I 匣式支撑 & 檩条支撑

GIẰNG CÁNH I 屋架支撑

1.3 HỆ XÀ GỒ, CÁN HÌNH NGUỘI I 冷轧型钢,檩条系列

Xà gồ được sử dụng dựa vào khả năng chịu lực (Cường độ Fy của xà gồ G345/G450, chiều dày, kích thước) và khả năng chống ăn mòn (Mạ kẽm Zinc Z80, Z100, Z120, Z150, Z180, Z200, Z275, Z350)
依据承载力来使用檩条（G345 / G450 檩条的Fy强度，厚度，尺寸）和耐腐蚀性（镀锌 Z80, Z100, Z120, Z150, Z180, Z200, Z275, Z350)

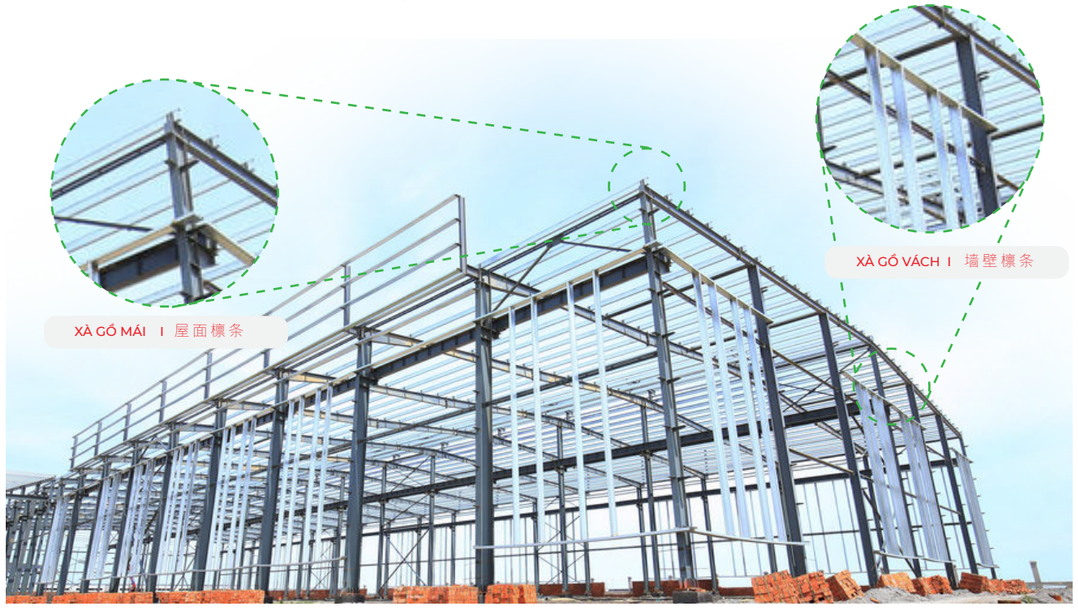

MÃ SẢN PHẨM 参数	H (mm)	B (mm)	B' (mm)	C (mm)	HÌNH KỸ THUẬT 技术画片
Z150	150	62	68	25 max	
Z200	200	62	68	25 max	
Z250	250	62	68	25 max	
Z300	300	72	78	25 max	

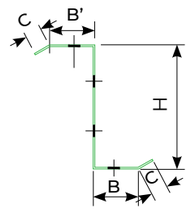

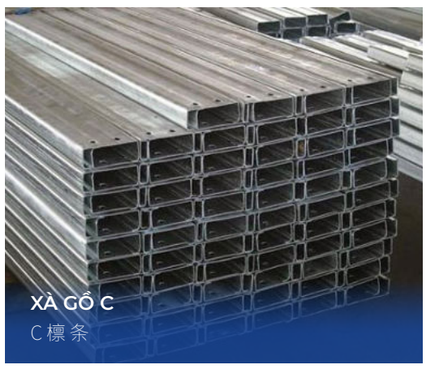

MÃ SẢN PHẨM 参数	H (mm)	B (mm)	C (mm)	HÌNH KỸ THUẬT 技术画片
C150	150	50	25 max	
C200	200	50	25 max	
C250	250	50	25 max	

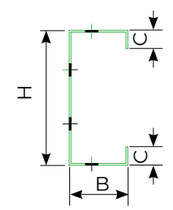

1.4 BU LÔNG NEO MÓNG I 地脚螺栓

Bulong neo / móng được thiết kế để neo vào kết cấu móng. Thông thường hình dạng của bulong neo sẽ là dạng I, L, J. Theo các cấp bền như 4.6 – 5.6 – 6.6. Mạ kẽm bằng phương pháp nhúng nóng hoặc điện phân.

基础/地脚螺栓设计用于锚固到基础结构。通常，地脚螺栓的形状为I，L，J根据耐用等级为**4.6-5.6-6.6**。镀锌通过用热浸或电解方法。

BU LÔNG NEO I
I 地脚螺栓

BU LÔNG NEO J
J 地脚螺栓

BU LÔNG NEO L
L 地脚螺栓

1.5 BU LÔNG LIÊN KẾT I 螺丝

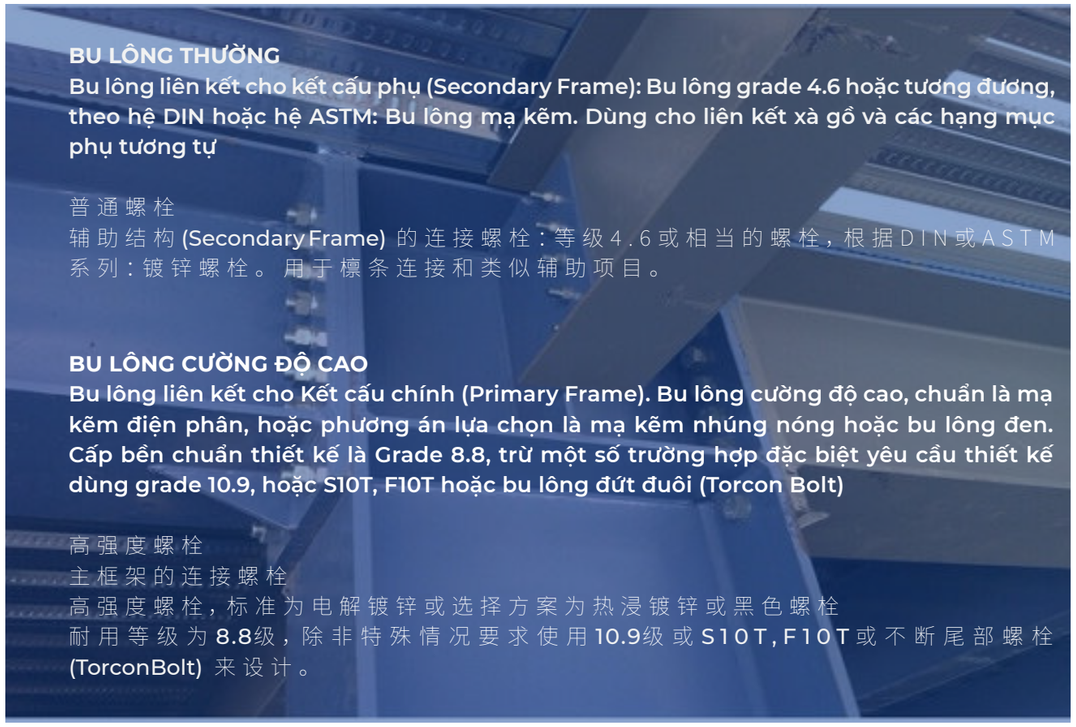

BU LÔNG THƯỜNG
Bu lông liên kết cho kết cấu phụ (Secondary Frame): Bu lông grade 4.6 hoặc tương đương, theo hệ DIN hoặc hệ ASTM: Bu lông mạ kẽm. Dùng cho liên kết xà gồ và các hạng mục phụ tương tự

普通螺栓
辅助结构(Secondary Frame)的连接螺栓：等级4.6或相当的螺栓，根据DIN或ASTM系列：镀锌螺栓。用于檩条连接和类似辅助项目。

BU LÔNG CƯỜNG ĐỘ CAO
Bu lông liên kết cho Kết cấu chính (Primary Frame). Bu lông cường độ cao, chuẩn là mạ kẽm điện phân, hoặc phương án lựa chọn là mạ kẽm nhúng nóng hoặc bu lông đen. Cấp bền chuẩn thiết kế là Grade 8.8, trừ một số trường hợp đặc biệt yêu cầu thiết kế dùng grade 10.9, hoặc S10T, F10T hoặc bu lông đứt đuôi (Torcon Bolt)

高强度螺栓
主框架的连接螺栓
高强度螺栓，标准为电解镀锌或选择方案为热浸镀锌或黑色螺栓
耐用等级为8.8级，除非特殊情况要求使用10.9级或S10T，F10T或不断尾部螺栓(TorconBolt)来设计。

BU LÔNG THƯỜNG
普通螺栓

BU LÔNG CƯỜNG ĐỘ CAO 8.8
8.8 高强度螺栓

BU LÔNG NỞ
膨胀螺栓

BU LÔNG HÓA CHẤT
化工螺栓

BU LÔNG S10T
S10T 螺栓

1.6 HỆ SÀN LỬNG I 预制钢结构夹层系列 (MEZZANINE)

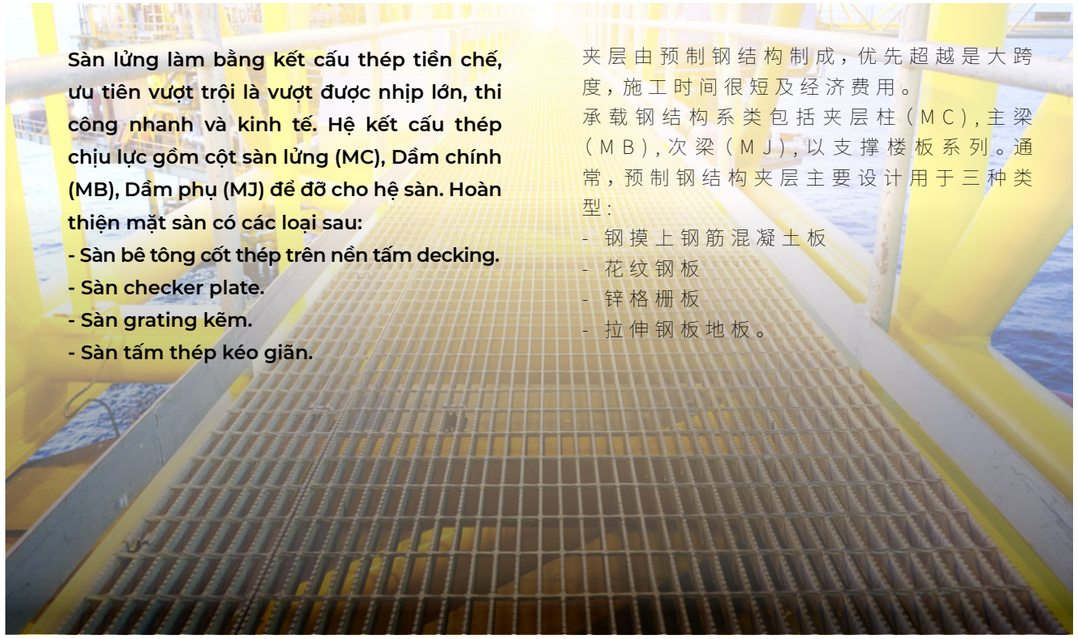

Sàn lửng làm bằng kết cấu thép tiền chế, ưu tiên vượt trội là vượt được nhịp lớn, thi công nhanh và kinh tế. Hệ kết cấu thép chịu lực gồm cột sàn lửng (MC), Dầm chính (MB), Dầm phụ (MJ) để đỡ cho hệ sàn. Hoàn thiện mặt sàn có các loại sau:

- Sàn bê tông cốt thép trên nền tấm decking.
- Sàn checker plate.
- Sàn grating kẽm.
- Sàn tấm thép kéo giãn.

夹层由预制钢结构制成，优先超越是大跨度，施工时间很短及经济费用。
承载钢结构系类包括夹层柱（MC），主梁（MB），次梁（MJ），以支撑楼板系列。通常，预制钢结构夹层主要设计用于三种类型：

- 钢摸上钢筋混凝土板
- 花纹钢板
- 锌格栅板
- 拉伸钢板地板。

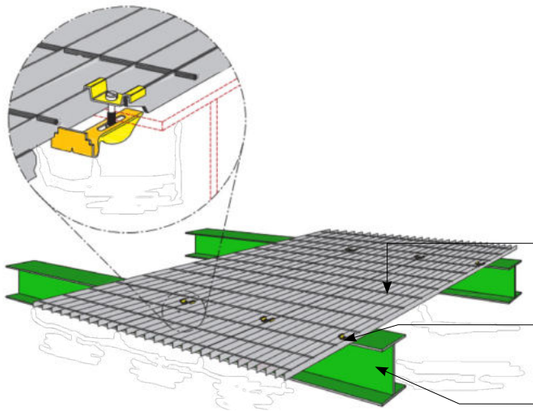

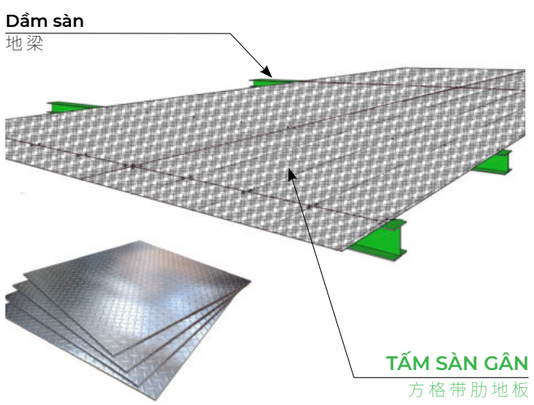

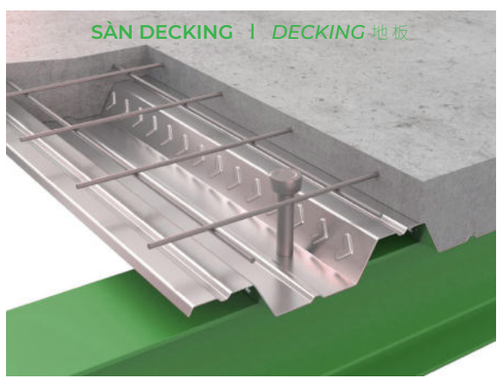

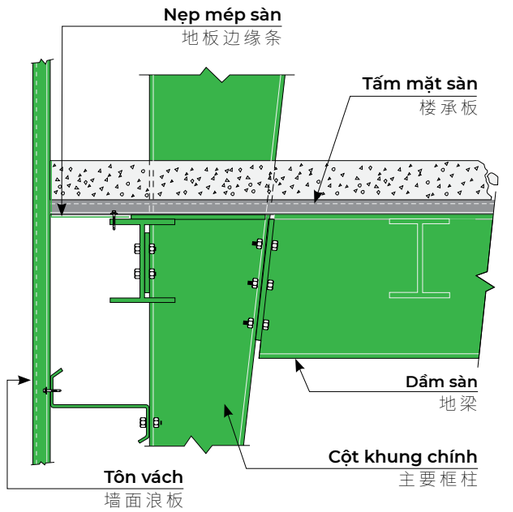

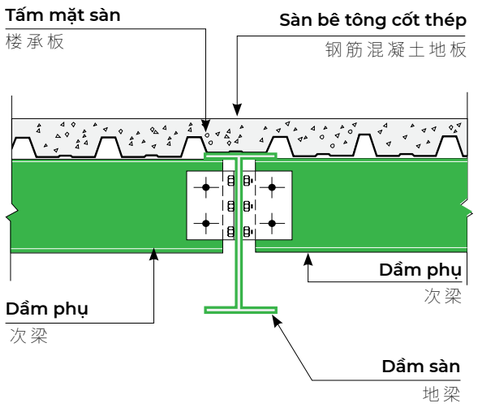

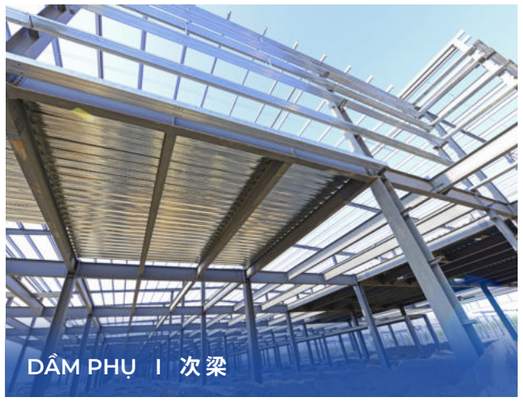

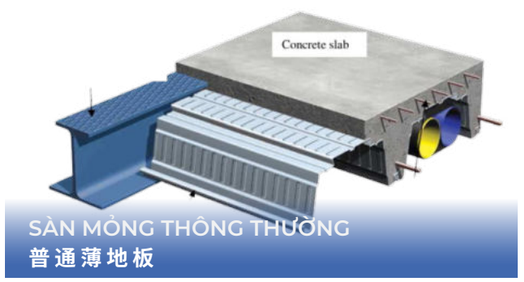

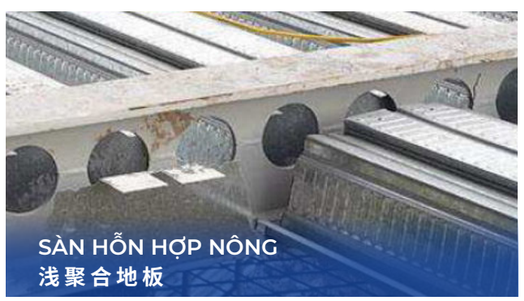

1.7 HỆ MẶT DỰNG I 立面系类

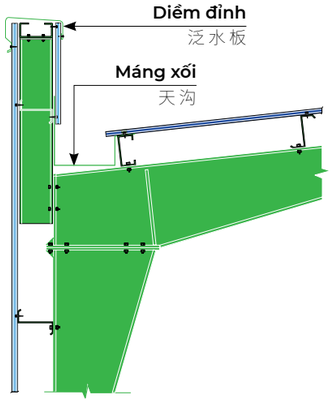

MẶT DỰNG VƯỢT MÁI
超顶立面板

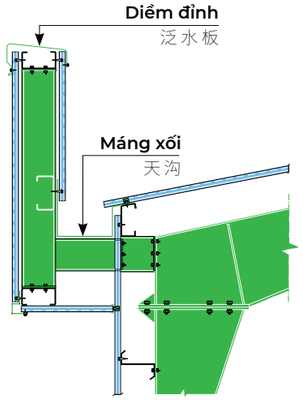

MẶT DỰNG NHÔ RA
突出面立面板

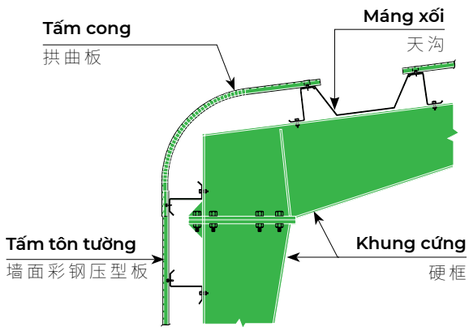

MẶT DỰNG NỐI ĐUÔI MÁI
连贯屋面尾部

1.8 HỆ MÁI MỞ RỘNG I 屋顶延伸系统

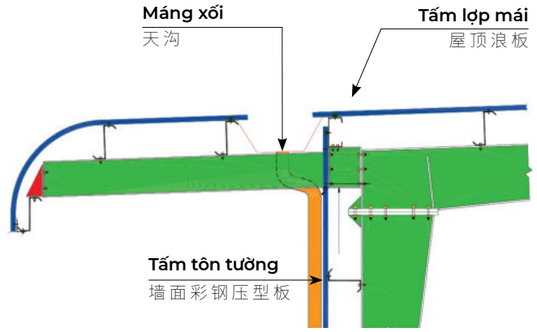

MÁI ĐUA CONG / NỐI ĐUÔI MÁI
弯曲的屋顶 / 连贯屋面尾部

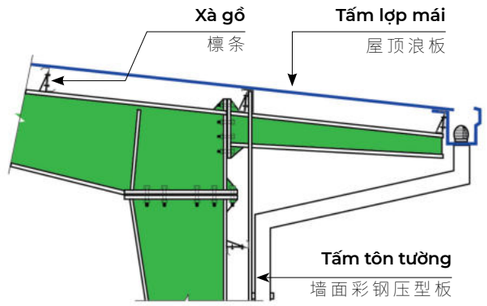

MÁI VƯƠN TƯỜNG BIÊN
带屋顶延伸的侧墙

1.9 NÓC GIÓ I 气楼/ 天井

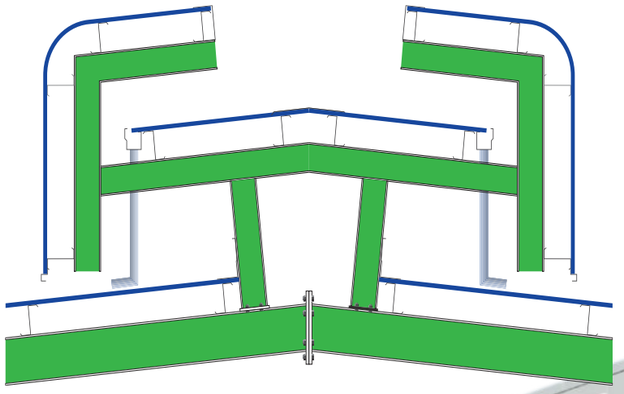

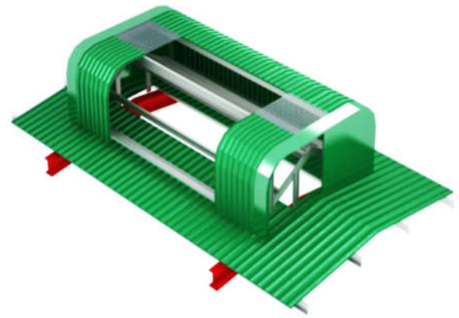

! **Ngoài những thông số tiêu chuẩn do Lucky Steel Buildings cung cấp, chúng tôi có thể tương tác và tư vấn để đáp ứng được với những dạng thông số khác theo nhu cầu của khách hàng.**
除了 **Lucky Steel Buildings** 提供的标准参数外，我们还可以根据客户需求互动及咨询以满足其他类型的参数

1.10 HỆ BAO CHE HOÀN THIỆN I 完善维护系列

Với đội ngũ kinh nghiệm trên 20 năm trong ngành kết cấu thép tiền chế, chúng tôi sẽ tư vấn và chọn lựa giải pháp bao che hoàn thiện ưu việt & giá thành cạnh tranh phù hợp đặc thù, công năng sử dụng của từng dự án, đặc thù của vị trí địa lý, thời tiết..

对于预制钢结构行业中拥有20多年经验的团队，我们期待为每种特定工作类型的每种产品，每种特殊的使用功能和每个项目，天气，地理位置的特殊位置 的功能，价格咨询和选择最佳的维护解法。

A. TÔN BAO CHE & TÔN TRẢI SÀN I 维护浪板&铺楼板的浪板

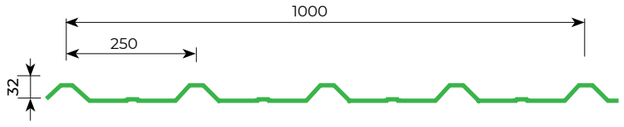

TÔN 5 SÓNG VUÔNG I 5 方形波纹板

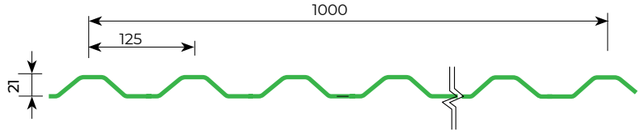

TÔN 9 SÓNG VUÔNG I 9方形波纹板

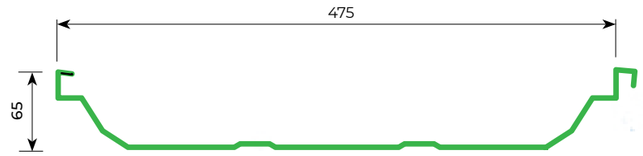

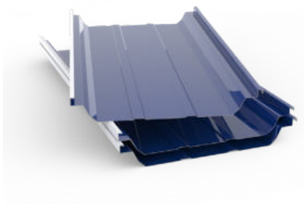

TÔN SÓNG SEAMLOCK I 锁板

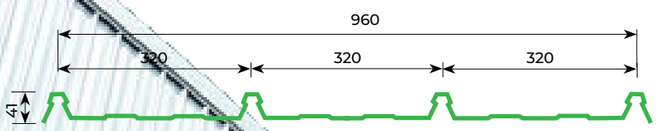

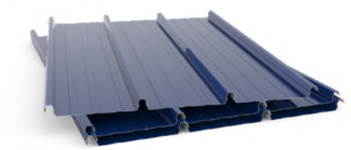

TÔN 4 SÓNG KLIPLOK I 夹实板

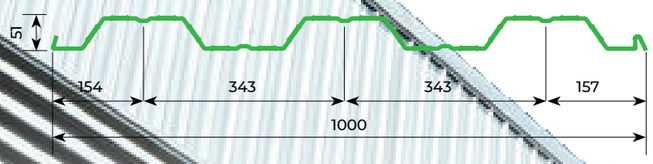

TẤM SÀN I 铺楼板的浪板

B. DIỀM I 收边

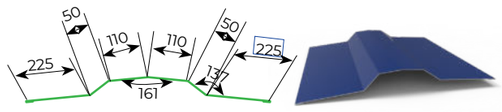

DIỀM ÚP NÓC I 屋脊收边

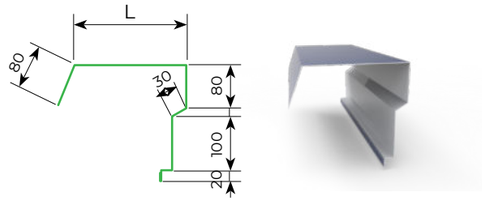

DIỀM ĐẦU HỒI I 山墙收边

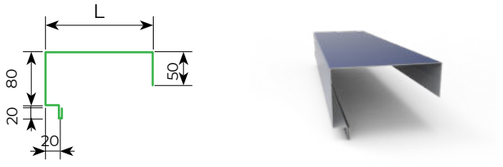

DIỀM ĐỈNH MẶT DỰNG I 立面顶部收边

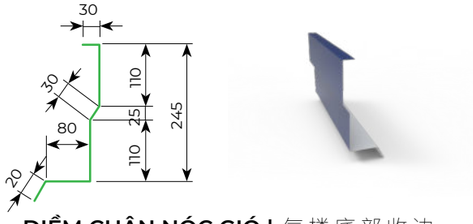

DIỀM CHÂN NÓC GIÓ | 气楼底部收边

DIỀM CHÂN TƯỜNG I 墙底部收边

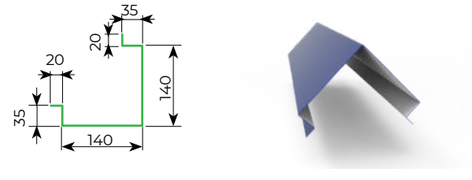

DIỀM ỐP GÓC I 角收边

C. HỆ THOÁT NƯỚC I 排水系类

MÁNG XỐI GIỮA I 中间天沟

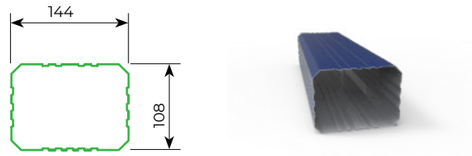

ỐNG XỐI KIM LOẠI I 金属天沟

Ngoài những thông số tiêu chuẩn do Lucky Steel Buildings cung cấp, chúng tôi có thể tương tác và tư vấn để đáp ứng được với những dạng thông số khác theo nhu cầu của khách hàng.

除了 **Lucky Steel Buildings** 提供的标准参数外，我们还可以根据客户需求互动及咨询以满足其他类型的参数.

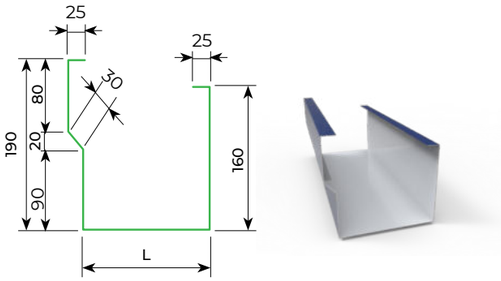

MÁNG XỐI BIÊN I 边天沟

1.11 CẦU THANG - LAN CAN I 楼梯 - 栏杆

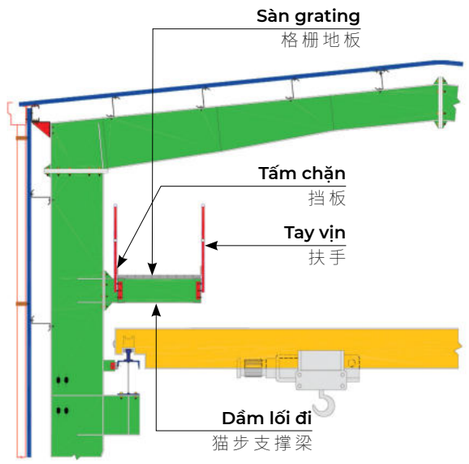

LỐI ĐI TRÊN CỘT KHUNG CỨNG
刚性框架柱上的走道

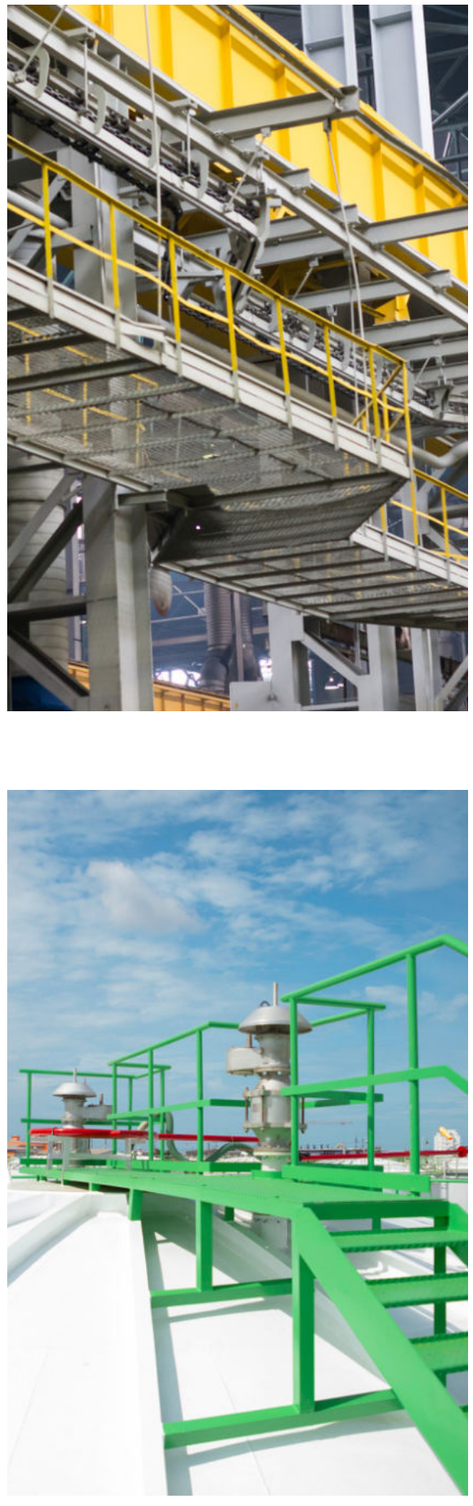

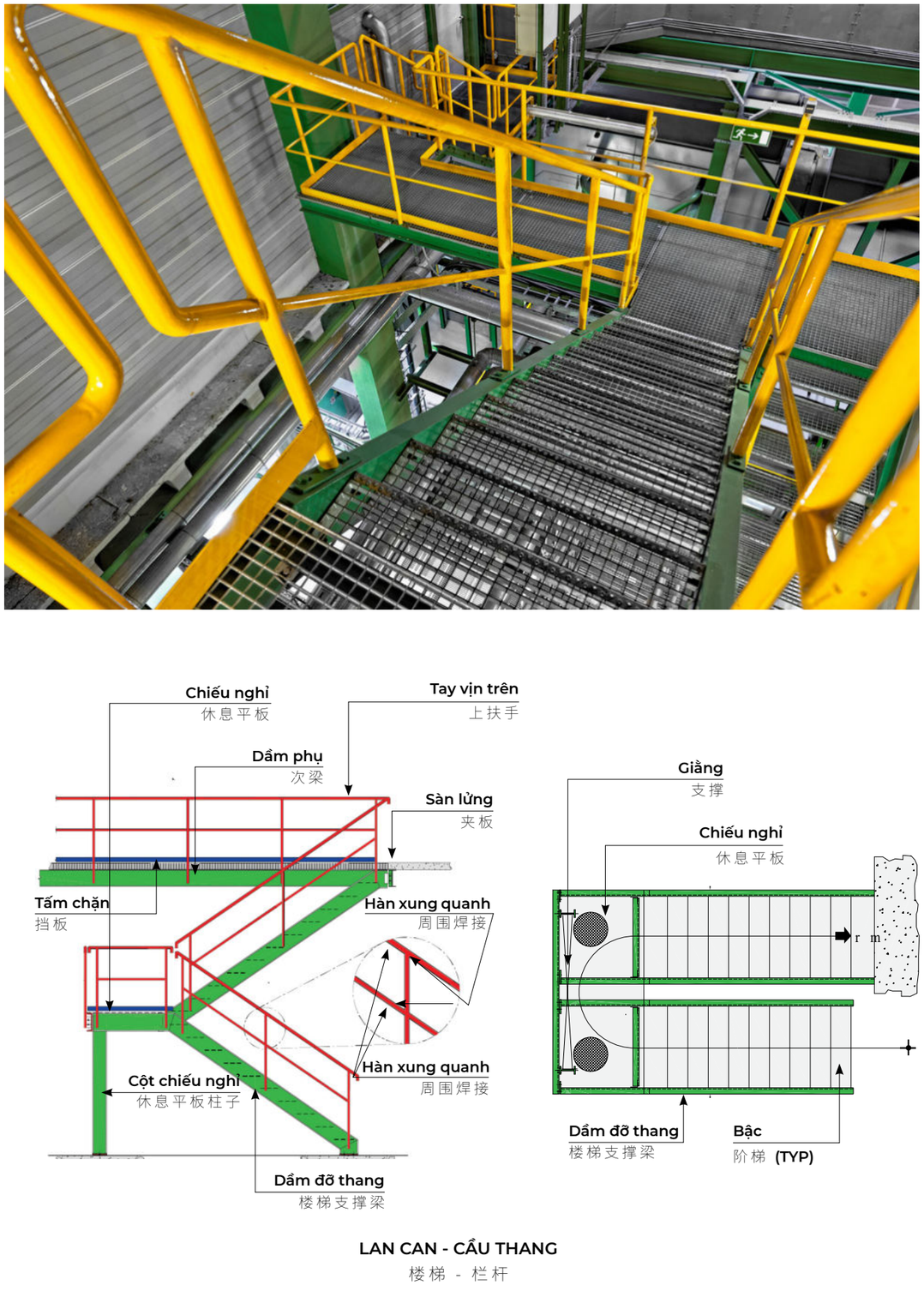

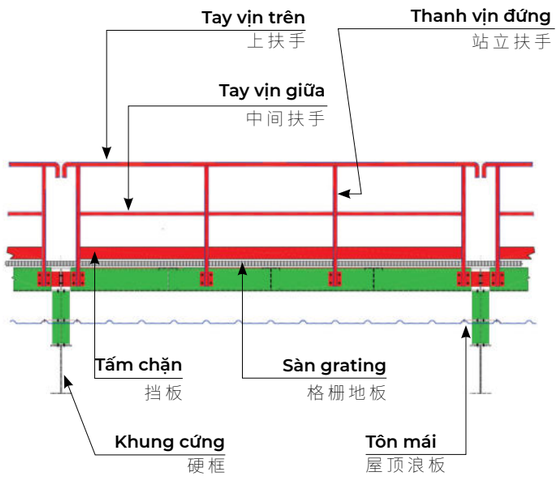

LỐI ĐI BỘ TRÊN MÁI
屋顶上的走道

LAN CAN - CẦU THANG
楼梯 - 栏杆

1.12 HỆ CẨU TRỤC I 行车系列

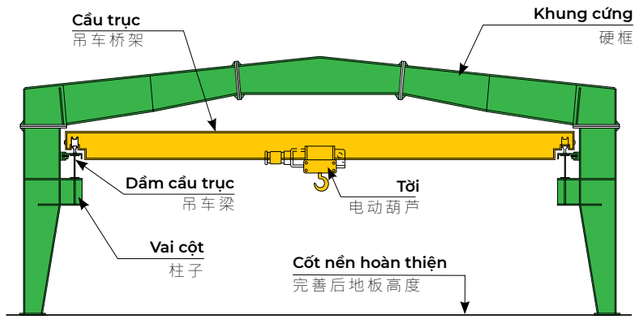

CẨU TRỤC CHẠY TRÊN
上跑行车

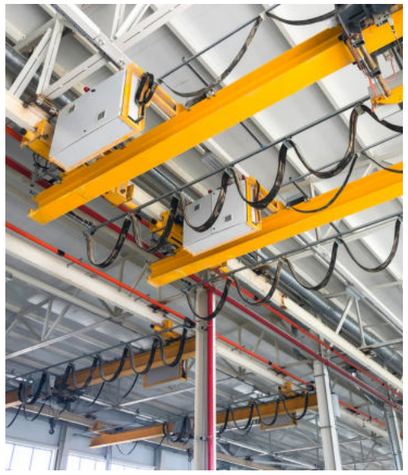

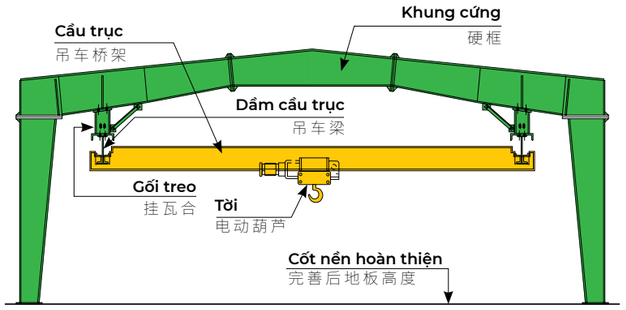

CẨU TRỤC TREO DƯỚI
下挂行车

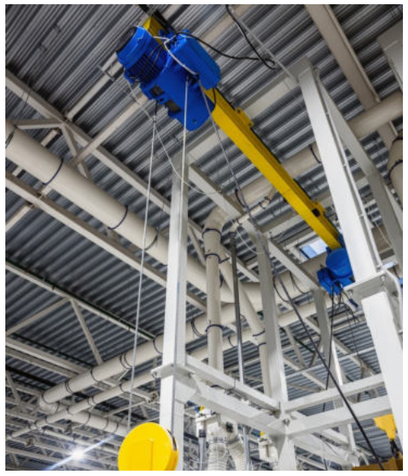

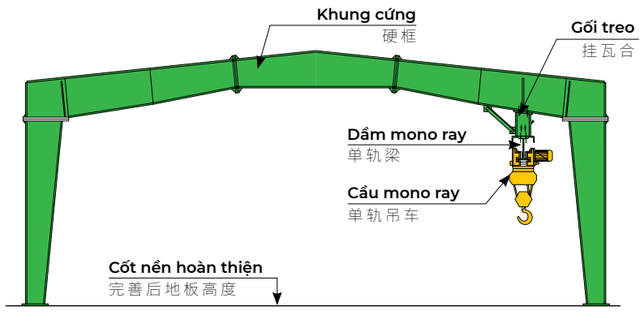

CẨU TRỤC CHẠY DƯỚI RAY
轨道上跑行车

1.13 PHỤ KIỆN HOÀN THIỆN I 其他完善配件

THANG BẢO TRÌ / THANG LỒNG
护笼爬梯

LAM GIÓ
百叶窗

CỬA CUỐN
卷门

CỬA LÙA
滑门

TẤM SÀN CHỐNG TRƯỢT
防滑钢板

LỖ MỞ MÁI
屋顶风机

TÔN SÁNG MÁI
采光板

TÔN SÁNG VÁCH
墙壁采光板

LƯỚI CHẮN CHIM/ CÔN TRÙNG
昆虫/鸟挡网

BÔNG ROCKWOOL
ROCKWOOL 岩棉

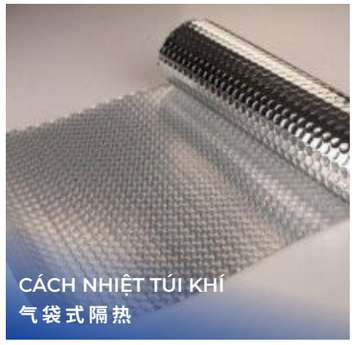
CÁCH NHIỆT TÚI KHÍ
气袋式隔热

BÔNG THỦY TINH
玻璃棉

2. KẾT CẤU THÉP TIỀN CHẾ ĐẶC THÙ
服务高层楼钢结构系列

2.1 KẾT CẤU THÉP NHÀ CAO TẦNG| 服务高层楼钢结构系列

Dạng sản phẩm này có đặc trưng chung là cấu kiện thép lớn, dày và không có sơn. Các sản phẩm thông dụng như là kingpost, hệ shoring, cốt cứng, cốt thép dầm chuyển...

这类产品的总特征是大构件，厚且无喷漆。通用的产品，如kingpost系类，Shoring系类，钢骨，转换梁钢筋

CỘT CHỐNG THÉP
钢梁支柱（*KING POST)*

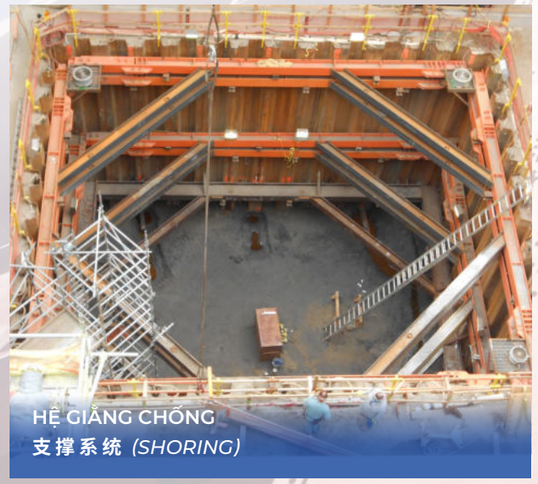

HỆ GIẰNG CHỐNG
支撑系统 *(SHORING)*

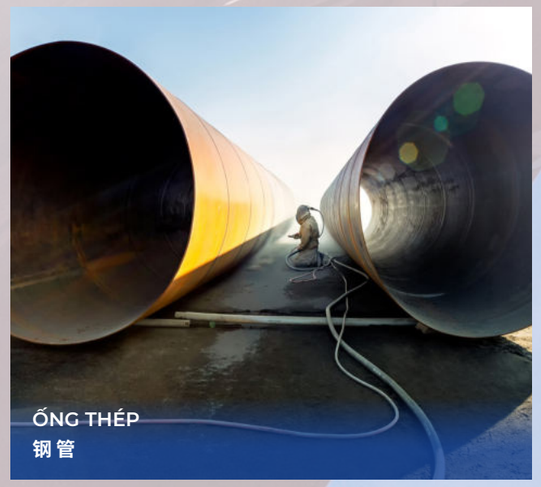

ỐNG THÉP
钢管

LÕI THÉP CỐT CỨNG
钢骨

2.2 KẾT CẤU THÉP DẠNG ĐẶC THÙ | 服务高层楼钢结构系列

Đây là dạng sản phẩm kết cấu thép đặc thù của các loại công trình thi công hệ pipe rack, hệ conveyor, hệ giàn đỡ thiết bị M&E supportor, dầm cầu vượt nhịp...

这是施工高空管架系类，输送机系统，M&E设备支架系统，桥的大跨度梁.的工程类型。

HỆ GIÁ ĐỠ M&E
M&E支撑系列

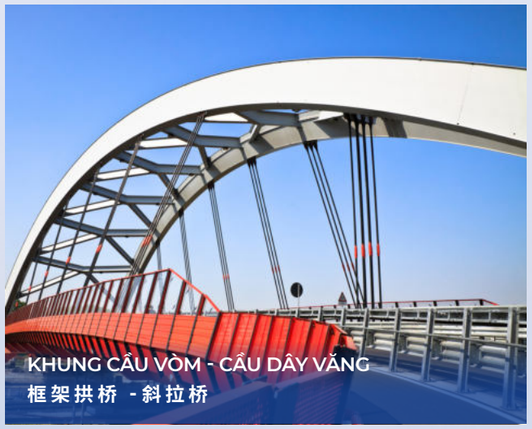

KHUNG CẦU VÒM - CẦU DÂY VĂNG
框架拱桥 - 斜拉桥

DẦM CẦU
桥梁

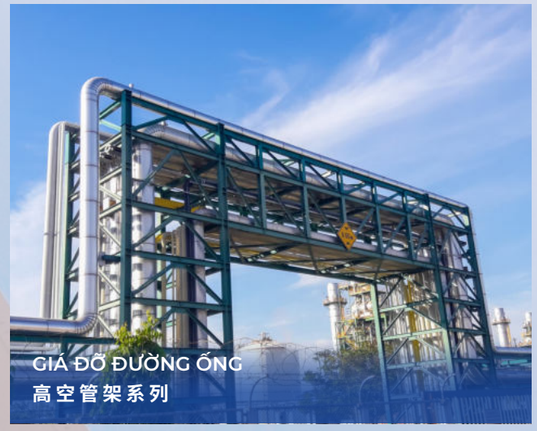

GIÁ ĐỠ ĐƯỜNG ỐNG
高空管架系列

HỆ BĂNG CHUYỀN
输送机系统

CÔNG TRÌNH NGHỆ THUẬT
艺术工程

TẠI SAO CHỌN LUCKY STEEL?
为什么选择 LUCKY STEEL?

“CHỊU TRÁCH NHIỆM TRỌN GÓI”
“整体负责人”

TÍNH TOÁN THIẾT KẾ THEO CHUẨN QUỐC TẾ
计算设计按国际标准

SẢN XUẤT & KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG CHẶT CHẼ
严格生产质量控制

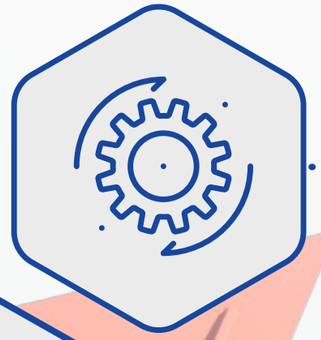

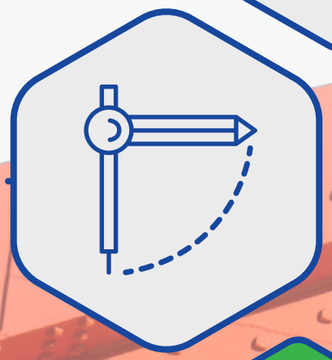

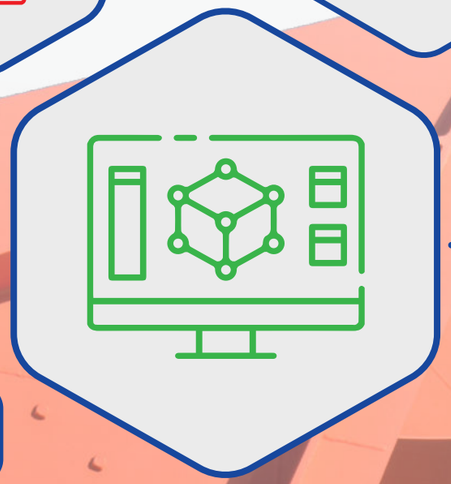

TƯ VẤN THIẾT KẾ GIẢI PHÁP TỐI ƯU
从咨询优化设计解法

THIẾT KẾ BẢN VẼ SẢN XUẤT TRÊN MÔ HÌNH 3D
3D工段详图设计

VẬT TƯ NGUỒN GỐC XUẤT XỨ RÕ RÀNG
物资来源清楚，威信

THI CÔNG LẮP DỰNG AN TOÀN, CHẤT LƯỢNG
质量，安全吊装施工

GIẢI PHÁP VẬN CHUYỂN LINH HOẠT, NHỊP NHÀNG PHỤC VỤ CÔNG TÁC LẮP DỰNG
节奏，灵活运输解法服务吊装工作

BẢO HÀNH LÂU DÀI
长期维护

HƯỚNG VỀ GIẢI PHÁP
以解决方案为导向

THIẾT KẾ TỐI ƯU - ĐỒNG BỘ HỒ SƠ

优化设计，同步资料

TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ

设计使用标准

Thiết kế kết cấu:

结构设计

Thiết kế Shop Drawing:

设计施工详图

Thiết kế kết cấu thép cán nguội:

冷压钢结构设计

Triển khai bản vẽ trình duyệt và các loại bản vẽ kỹ thuật khác:

展开送批图纸及各类其他技术图纸

AISC360 - 05 ASD
ASCE 7-05
MBMA 2006
AISI 2001 NAS
AWS D1.1/1M:2015

ASCE - HIỆP HỘI KỸ SƯ DÂN DỤNG MỸ

ASCE - 美国民用工程师协会

Tải trọng thiết kế tối thiểu về nhà thép tiền chế và kết cấu thép
预制钢结构房和钢结构的最小设计载荷

AISC – VIỆN KẾT CẤU MỸ

AISC - 美国结构学院

Tham khảo kỹ thuật thiết kế theo ứng suất cho phép
按允许的应力下参考设计技术

MBMA - SỔ TAY NHÀ THÉP THẤP TẦNG

MBMA - 低层钢结构房手册

Sổ tay nhà thép thấp tầng
低层钢结构房手册

AISI – VIỆN NGHIÊN CỨU SẮT THÉP HOA KỲ

AISC - 美国钢铁研究院

Tham khảo kỹ thuật thiết kế thép cán nguội
参考冷轧钢设计技术

IBC - TIÊU CHUẨN XÂY DỰNG

IBC - 国际建筑规范

Tham khảo tiêu chuẩn áp dụng tải trọng
参考荷载采用标准

AWS – TIÊU CHUẨN ĐƯỜNG HÀN

AWS- 焊道标准

Quy phạm về đường hàn kết cấu thép
钢结构焊道的规范

THIẾT KẾ TỐI ƯU - ĐỒNG BỘ HỒ SƠ

优化设计，同步资料

1 NHẬN THÔNG TIN
接受信息，建议图纸

Từ những thông tin sơ khởi ban đầu như kiến trúc, tải trọng, chức năng... đội ngũ kỹ sư thiết kế kết cấu cùng tham vấn, đưa ra giải pháp cho quý đối tác tối ưu về khối lượng và chi phí đầu tư.

从初始的信息如荷载，功能，结构工程师队伍会同咨询，拿出最优的工程量并投资费给与合作伙伴。

2 THIẾT KẾ KẾT CẤU
结构设计

Đội ngũ kỹ sư giàu kinh nghiệm xem xét và đưa ra giải pháp thiết kế kết cấu tối ưu về khối lượng, chi phí mà vẫn đảm bảo công năng sử dụng, an toàn theo tiêu chuẩn thiết kế đã yêu cầu.

经验丰富的工程师队伍考虑并拿出对工程量，费用的最优结构设计解法，同时确保按设计标准要求的使用功能和安全。

3 TRÌNH BẢN VẼ PHÊ DUYỆT
递交图纸审批

Từ thiết kế kết cấu, triển khai chi tiết bộ bản vẽ phê duyệt và cùng nhau với khách hàng, đối tác xem xét trao đổi, tư vấn khách hàng định hình được sản phẩm trong tương lai sau khi thi công để khách hàng xem xét cho ý kiến và phê duyệt.

从结构设计，展开批准的详细图集，并会同客户，合作伙伴沟通考虑，咨询客户定型到施工后将来的产品以便客户考虑提供意见及批准。

4 DỰNG MÔ HÌNH 3D
建立 3D 模型

Từ bản vẽ phê duyệt của khách hàng, chúng tôi sẽ điều chỉnh bản thuyết minh tính toán phù hợp. Sau đó, chúng tôi sẽ tiến hành dựng mô hình 3D, kiểm tra chéo một lần nữa với các thông tin đầu vào để đảm bảo mô hình 3D đã chuẩn trước khi trích xuất bản vẽ sản xuất.

从客户批准的图纸，我们将调整符合的计算说明。然后，我们将进行建立3D模型，再次与输入信息进行交叉检查，以确保3D模型是标准的，然后再节录生产图纸 。

5 BẢN VẼ SẢN XUẤT
生产图纸

Từ mô hình 3D, kỹ sư shop drawing sẽ trích xuất bản vẽ sản xuất cho từng cấu kiện và đưa lên hệ thống để làm đầu vào cho khâu sản xuất.

施工详图工程师将从的3D模块中提取每个构建的生产图纸，并送到系统作为生产环节的输入。

6 BẢN VẼ THI CÔNG/ LẮP DỰNG
施工图 / 安装图

Bản vẽ thi công được thực hiện sau khi cân đối biện pháp thi công nhằm tối ưu tiến độ và đảm bảo an toàn, trình bày đơn giản, dễ hiểu, tránh nhầm lẫn trong lúc thi công lắp dựng.

平衡施工方法后，进行安装工作施工图，让最优进度并确保安全。施工图简单明了，易于理解，避免在施工和安装过程中造成误会。

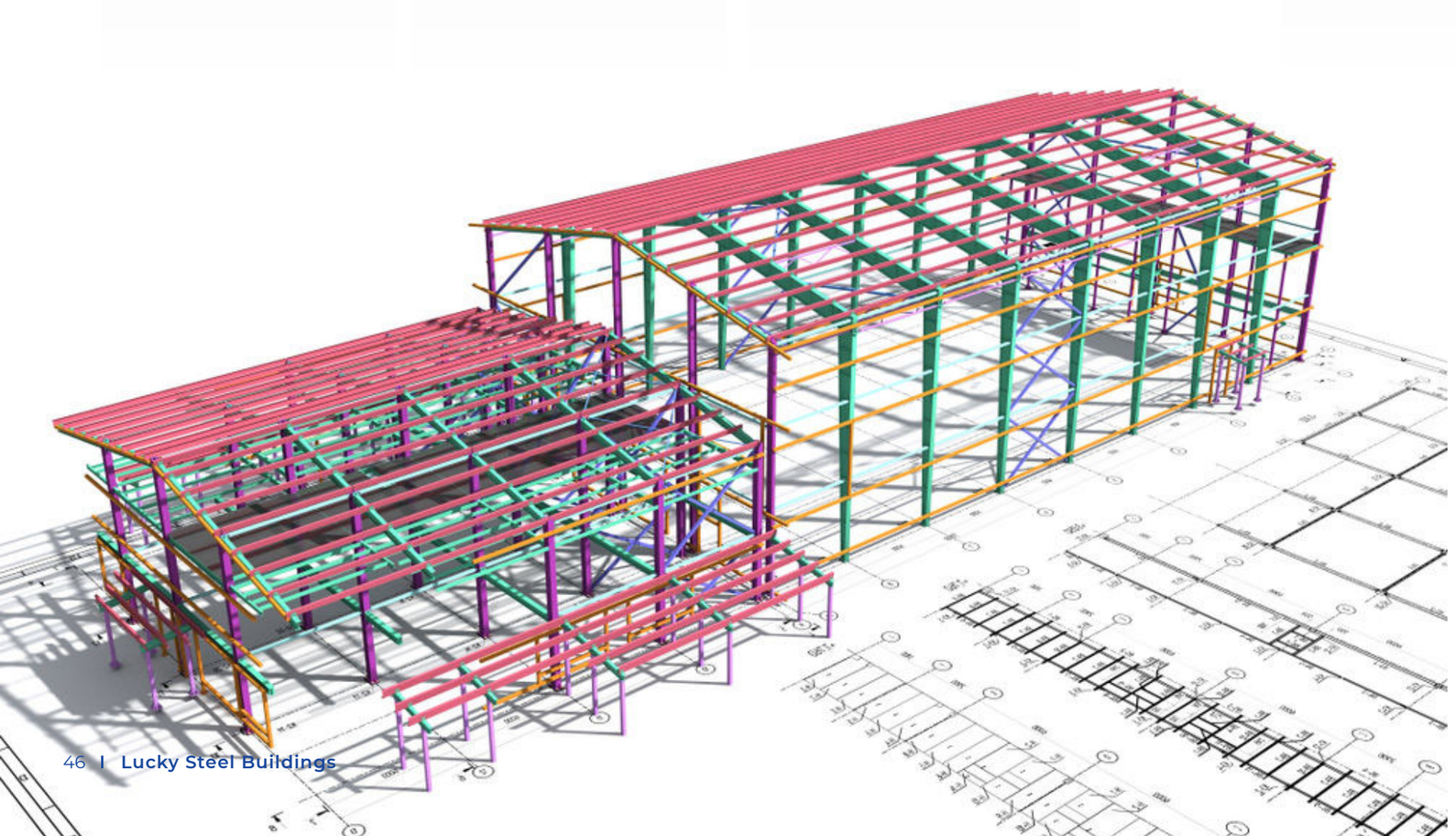

7 THỐNG KÊ CHI TIẾT
详细统计

Khối lượng, số lượng nguyên vật liệu được bóc tách chi tiết và chính xác cao nhằm phục vụ cho việc lên kế hoạch của các bộ phận liên quan. Khối lượng thực tế theo bản vẽ thi công sẽ được thống kê theo BOM, SHOP cụ thể để quản lý nội bộ, lưu thông tin và làm quyết toán.

与项目有关的材料的数量和工程量详细，具体及正确估算，以服务相关部分的计划。根据施工图的实际数量和工程量将按BOM,SHOP具体统计以便内部管理，保留信心和结算。

8 BẢN VẼ HOÀN CÔNG
竣工图

Bản vẽ hoàn công là bản vẽ dựa theo bản vẽ thi công lắp dựng và điều chỉnh một vài yêu cầu thay đổi nhỏ được chỉnh sửa thực tế tại công trường để thể hiện chính xác “Thực tế đã thi công” nhằm lưu hồ sơ và bảo hành, bảo trì sau này.

为了后来的保修，维修及保存资料 ，竣工图纸是基于吊装施工图并调整工地上已实际整改的一些小变更的要求，以正确显示“实际已施工”。

NGUYÊN VẬT LIỆU
原材料

+ **Đa dạng về chủng loại**
  种类多样

+ **Thương hiệu uy tín**
  威信品牌

+ **Chứng chỉ nguồn gốc rõ ràng**
  来源清楚证书

+ **Đáp ứng được nhiều tiêu chuẩn**
  满足多标准

ASTM: American Society for Testing & Material -
美国材料与测试学会

JIS: Japanese Industrial Standards - 日本工业标准

EN: Europe Standard - 欧洲标准

GB: **Chinese Standards** - 中国标准-中国标准

TCVN: Vietnamese Standard - 越南标准

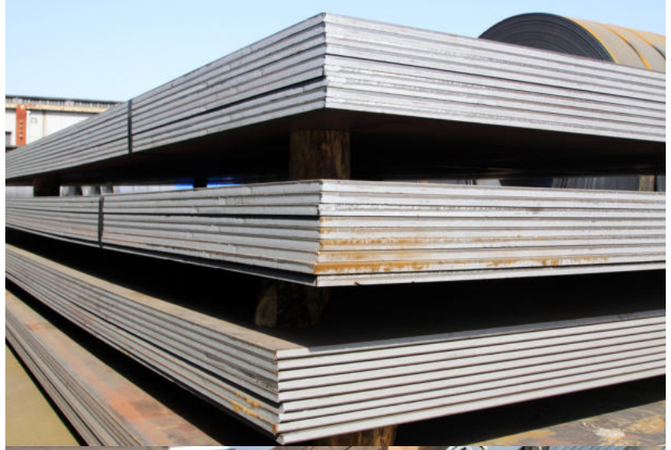

Nguyên vật liệu đầu vào đúng yêu cầu kỹ thuật và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. Sau đây là bảng vật tư chuẩn dùng cho thiết kế của Lucky Steel, trừ khi có yêu cầu nào khác.

输入物资正确技术要求及有来源清楚

以下为 **Lucky Steel,**的设计使用标准物资表，除了有西塔要求外s

LOẠI THÉP 钢种类	MÁC THÉP/ TIÊU CHUẨN 钢标号/标准	CƯỜNG ĐỘ CHẢY 溶解强度 Fy	CƯỜNG ĐỘ KÉO ĐỨT 拉断强度 Fu
THÉP TẤM 钢板	SS400, Q235, ASTM A36 SM490, Q345, ASTM A572 Gr. 50	Fy = 235 Mpa Fy = 345 Mpa	Fu = 400 Mpa Fu = 450 Mpa
THÉP HÌNH 型钢	SS400, ASTM 36	Fy = 235 Mpa	Fu = 400 Mpa
THÉP CÁN NGUỘI 冷轧钢	JIS G3112, ASTM G340/G450	Fy = 340 Mpa Fy = 450 Mpa	Fu = 450 Mpa
GIẰNG ROD / THÉP GÓC L 拉杆 / 角钢	SS400, ASTM A36	Fy = 235 Mpa	Fu = 400 Mpa
GIẰNG CÁP 支撑钢索	EN, GB, JIS		Fu = 1470 Mpa
BU LÔNG NEO 地脚螺栓	SS400, ASTM A36 – Cấp 4.6 (hoặc tương đương) – Grade 4.6 (或相应)	Fy = 235 Mpa	Fu = 400 Mpa
BU LÔNG CƯỜNG ĐỘ CAO 高强度螺栓	A325, DIN cấp 8.8 (hoặc tương đương) ASTM-A325 or DIN Grade 8.8 (或相应)		Fu = [710 – 830] Mpa
BU LÔNG THƯỜNG 普通螺栓就	A307, DIN cấp 4.6 (hoặc tương đương) A307, DIN 976-1 Grade 4.6 (或相应)		Fu = 400 Mpa
TÔN 浪板	G300/ G350/ 550	Fy = 300 Mpa Fy = 350 Mpa Fy = 550 Mpa	

Ngoài những mác thép thông dụng do Lucky Steel Buildings cung cấp, tùy thuộc vào nhu cầu cũng như khối lượng dự án chúng tôi có thể đáp ứng cho những mác thép khác với bảng trên

除了 **Lucky Steel Buildings** 提供的通用钢标号，根据项目的需求和工程量，我们可以通过上表满足其他钢标号的要求

NHÀ MÁY SẢN XUẤT
生产工厂

Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Bến Cát, Bình Dương (cách TP.HCM ~50km)
平阳省，槟吉，美福 3工业园（距胡志明市50km）

Diện tích: 18.000 m²
厂房面积：18.000 m²

Công suất: 12.000 tấn/năm
产量：12,000 吨/年

Hoạt động sản xuất: 2012
生产活动：2012

NHÀ MÁY SẢN XUẤT
生产工厂

+ **Nhà máy mới, tinh gọn**
  简明，新厂房

+ **Quy hoạch mặt bằng thông minh**
  平面规划智能

+ **Công nhân tay nghề cao**
  手艺高的工人

+ **Máy móc thiết bị hiện đại**
  现代机械和设备

Nhà máy sản xuất kết cấu thép đặt tại Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, tỉnh Bình Dương với khu vực địa phương có lực lượng lao động tay nghề cao và giao thông thuận tiện.
Vị trí địa lý cách sân bay, cách cảng quốc tế hơn 1 giờ di chuyển xe.
Công suất nhà máy: 1,000 Tấn/Tháng
Hệ thống máy móc hiện đại, sắp xếp gọn gàng, sạch sẽ.

钢结构工厂位于平阳省美福3工业园区，该地区有工艺高的劳动力量，交通方便。
地理位置距机场和国际港口 开车一个多小时
工厂产量：1,000吨/月
现代机械系统，布置整齐，干净。

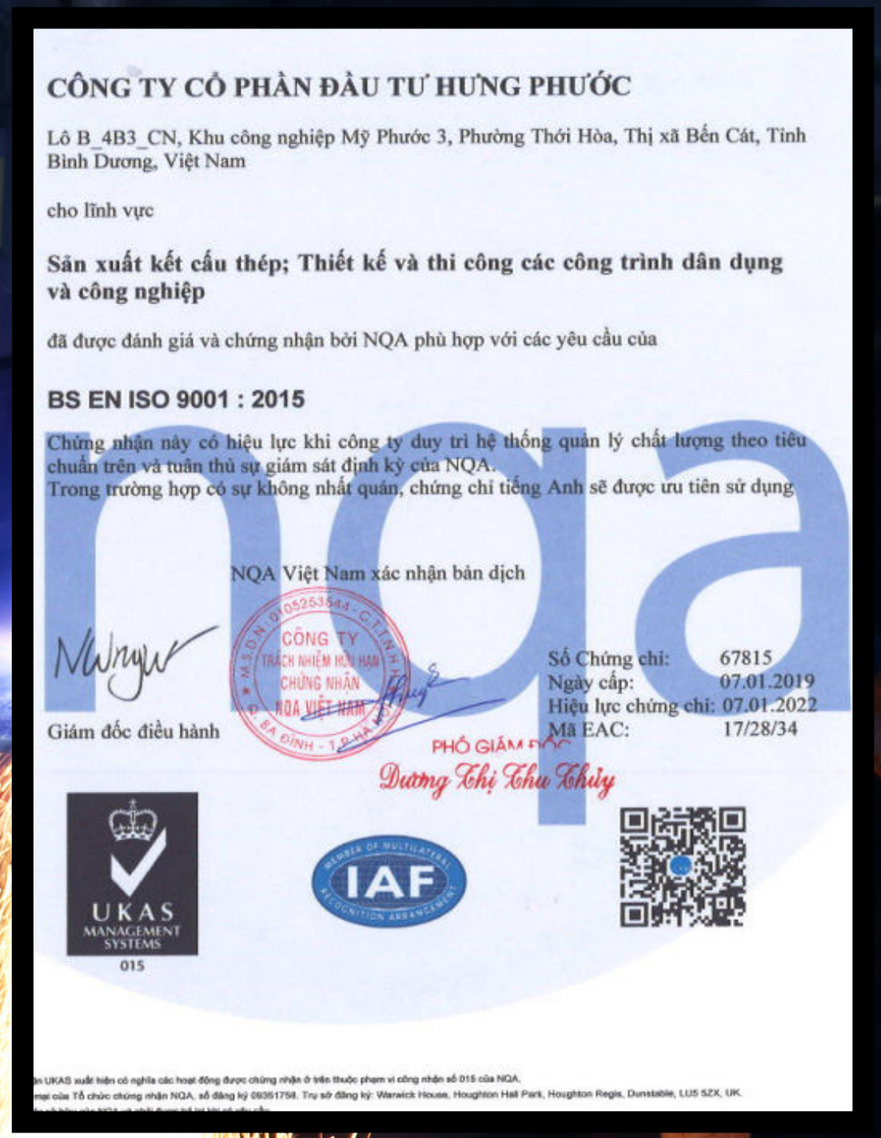

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HƯNG PHƯỚC

Lô B_4B3_CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

cho lĩnh vực

Sản xuất kết cấu thép; Thiết kế và thi công các công trình dân dụng và công nghiệp

đã được đánh giá và chứng nhận bởi NQA phù hợp với các yêu cầu của

BS EN ISO 9001 : 2015

Chứng nhận này có hiệu lực khi công ty duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn trên và tuân thủ sự giám sát định kỳ của NQA.
Trong trường hợp có sự không nhất quán, chứng chỉ tiếng Anh sẽ được ưu tiên sử dụng.

NQA Việt Nam xác nhận bản dịch

Giám đốc điều hành

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG NHẬN NQA VIỆT NAM

PHÓ GIÁM ĐỐC
Dương Thị Thu Thủy

Số Chứng chỉ: 67815
Ngày cấp: 07.01.2019
Hiệu lực chứng chỉ: 07.01.2022
Mã EAC: 17/28/34

UKAS MANAGEMENT SYSTEMS 015

IAF

QUY HOẠCH MẶT BẰNG NHÀ MÁY
工厂平面图规划

Bố trí mặt bằng - khu vực sản xuất thông minh
智能生产区域布置平面

Bãi tập kết vật tư thép
钢材结集场地

Bãi tập kết vật tư thép
钢材结集场地

Khu vực cắt thép
切钢区域

Khu vực đột lỗ
冲压区域

Khu vực đính gá
初步区域

Khu vực hàn
焊接区域

Khu vực hàn hoàn thiện
焊接完善区域

Khu vực vệ sinh làm sạch
表面清洁区域

Khu vực sơn
喷漆区域

Khu vực đóng gói
包装区域

MÁY MÓC - THIẾT BỊ
机器设备

Máy cắt CNC 200A
CNC 200A 切割机

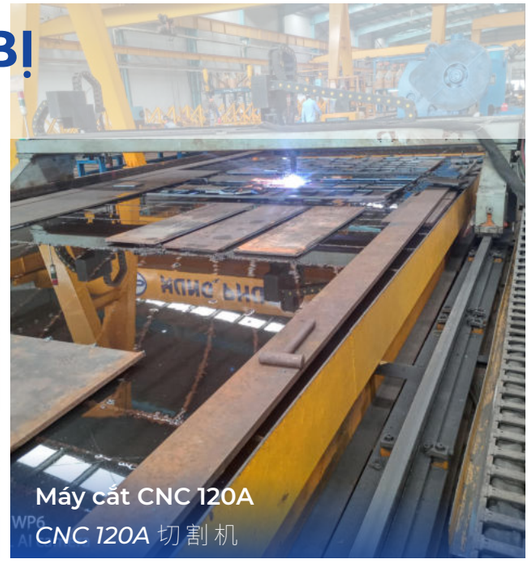

Máy cắt CNC 120A
CNC 120A 切割机

Máy cưa KOMATSU KM-700N
KOMATSU KM-700N 锯床机

Máy khoan CNC SUNRISE
CNC SUNRISE 钻机

Máy cắt thép BRUMAN
BRUMAN 切割机

Máy cắt thép SHEM
SHEM 切割机

Máy đột CNC SUNRISE
CNC SUNRISE 钻孔机

Máy đột thủy lực
液压钻孔机

Máy cắt thép OKAMATA
OKAMATA 切割机

Máy cưa AMADA
AMADA 锯床机

Máy khoan cần OKUMA
OKUMA 大型钻孔机

Máy khoan cần OOYA
OOYA 大型钻孔机

MÁY MÓC - THIẾT BỊ
机器设备

Dây chuyền hàn ngang BRUCO BWZ15
BRUCO BWZ15 横钢梁焊接机

Máy đính gá BZJ 2000-S1 PLUS
BZJ 2000-S1 PLUS 自动附带焊接钢梁机

Máy đính gá HG1800
HG1800 自动附带焊接钢梁机

Cổng hàn tự động MZK-2
MZK-2 双嘴自动焊接梁钢机

Cổng hàn bán tự động Bruco BTMZ-1800
Bruco BTMZ-1800 半自动焊接生产线

Cổng hàn tự động ZHOUXIANG
ZHOUXIANG 双嘴自动焊接梁钢机

Cổng hàn tự động HN0630-S2F
HN0630-S2F 双嘴自动焊接梁钢机

Máy nắm dầm JZJ-800 (1/2)
JZJ-800 (1/2) 定型机

Máy nắm dầm JZJ-800 (2/2)
JZJ-800 (2/2) 定型机

Máy bắn bi tự động BRUCO
BRUCO 喷砂机

Máy bắn bi tự động ZHOUXIANG
ZHOUXIANG 喷砂机

KIỂM SOÁT QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT CHẶT CHẼ DỰA TRÊN QUY TRÌNH CHUẨN HÓA

通过标准流程控制每个生产环节

Chất lượng sản phẩm phụ thuộc vào người làm trực tiếp, chỉ một phần nhỏ là từ QC kiểm tra ngẫu nhiên. Mỗi một khâu chịu trách nhiệm trực tiếp cho khâu tiếp theo.

产品的质量附属直接工作的人员，只有一小部分来自偶然的质量控制检查。每个环节直接负责下一个环节 。

+ **Quản lý nghiêm ngặt bằng quy trình**
  按流程严格管理
+ **Kiểm tra từng khâu chuyển tiếp**
  检查每个过度环节
+ **Thiết bị máy móc kiểm tra chất lượng**
  质量检查的设备机械

KIỂM SOÁT QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT CHẶT CHẼ DỰA TRÊN QUY TRÌNH CHUẨN HÓA

通过标准流程控制每个生产环节

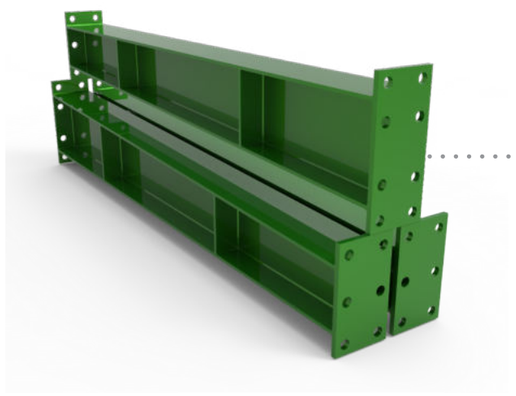

QUY TRÌNH SẢN XUẤT VÀ KIỂM TRA CẤU KIỆN TỔ HỢP

组装构件检查和生产流程

NHẬP VẬT TƯ THÔ THÉP TẤM

进原钢板材料

CẮT THÉP TẤM

切钢板

HÀN GÁ, ĐÍNH TỔ HỢP

点焊，组装

HÀN TỰ ĐỘNG

自动焊

NẮN THẲNG

校直

LẮP HOÀN THIỆN

安装完善

HÀN HOÀN THIỆN

焊完善

PHUN BI & VỆ SINH

喷丸&清洁

SƠN

喷漆

ĐÓNG MÃ CẤU KIỆN GIAO HÀNG

构件印代码交货

KIỂM SOÁT QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT CHẶT CHẼ DỰA TRÊN QUY TRÌNH CHUẨN HÓA

通过标准流程控制每个生产环节

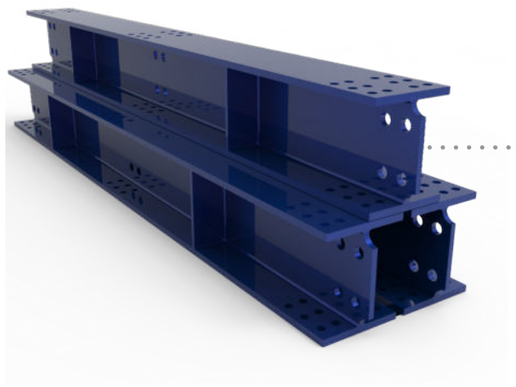

QUY TRÌNH SẢN XUẤT VÀ KIỂM TRA CẤU KIỆN THÉP HÌNH

生产与监察型钢构件规程

NHẬP VẬT TƯ THÔ THÉP HÌNH

进原型钢材料

CẮT THÉP HÌNH

切型钢

KHOAN LỖ

钻孔

LẮP HOÀN THIỆN

安装完善

HÀN HOÀN THIỆN

焊完善

PHUN BI & VỆ SINH

喷丸&清洁

SƠN HOÀN THIỆN

油漆完善

ĐÓNG MÃ CẤU KIỆN GIAO HÀNG

构件印代码交货

GIẢI PHÁP VẬN CHUYỂN LINH HOẠT

灵活的运输解法

+ **Kinh nghiệm vận chuyển nội địa và quốc tế**
  国内和国际运输的可能性
+ **Đội vận chuyển đa dạng hình thức**
  谱儿的安排搬运
+ **Vận chuyển có kế hoạch phối hợp từ bản vẽ thi công từng giai đoạn**
  按施工图中每个阶段来计划运输
+ **Hàng hóa đảm bảo trong quá trình vận chuyển**
  运输过程中的保证
+ **Sắp xếp bốc/dỡ hàng hóa bài bản**
  谱儿的安排搬运

QUẢN LÝ CHUYÊN NGHIỆP, LINH HOẠT

专业管理，灵活性

Cách làm phối hợp, hỗ trợ, luôn nghĩ về giải pháp

协助，配合做法一直考虑解法

+ **Đội ngũ kỹ sư giàu kinh nghiệm, am hiểu tốt từng công đoạn riêng biệt**

  工程师队伍经验丰富，对单独每个工段非常熟悉

+ **Theo dõi và kiểm soát xuyên suốt từ giai đoạn thiết kế đến khi bàn giao**

  从设计阶段到移交时贯穿跟踪和控制

+ **Khả năng phối hợp tốt, linh hoạt giữa khách hàng và ban thi công.**

  客户与施工班组之间的灵活，良好配合能力

+ **Trải nghiệm từ nhiều dự án lớn, phức tạp trước đây**

  从以前好多大项目，复杂性的经历

LẮP DỰNG AN TOÀN, CHẤT LƯỢNG, TIẾN ĐỘ

快速，安全吊装

Lucky Steel có đội ngũ kỹ sư thi công năng lực cao, dày dạn kinh nghiệm và hệ thống thiết bị thi công hiện đại, phong phú, đảm bảo sự hài lòng của Quý đối tác khi sử dụng dịch vụ lắp dựng.

Lucky Steel 拥有不仅年数的经验，而且对施工设备，机械有能力的施工工程师队伍。**Lucky Steel** 对合作伙伴保证在使用吊装服务时的满意。

Đảm bảo tiến độ
进度保证

Đội ngũ kỹ sư bám sát hiện trường và năng lực thiết bị đa dạng giúp đảm bảo tiến độ thực thi theo như kế hoạch.

现场紧跟及多样设备能力的工程师队伍帮助确保进度实施按计划。

Chất lượng
质量

Tuân thủ chặt chẽ các tiêu chuẩn xây dựng. Tối ưu hóa nhân lực, trí lực trong quá trình thi công, đảm bảo chất lượng.

严格遵守建筑标准。施工过程中 优化 智力，人力资源，质量保证。

An toàn, chuyên nghiệp
专业，安全

Từng hạng mục, công tác có biện pháp an toàn tương ứng. Các thiết bị thi công được kiểm tra định kỳ, chặt chẽ.

每个项目和工作都有相应的安全措施。定期对施工设备进行严格检查。

Bảo hành
保修

Sau khi thực hiện bàn giao đưa vào sử dụng Lucky Steel bảo hành vật tư thết kế, mang sự an tâm cho Quý đối tác.

执行投入使用后，Lucky Steel 对设计材料的保修将使合作伙伴放心。

Kỹ sư giám sát nhiều năm kinh nghiệm
多年经验的监督工程师

Đảm bảo tiến độ
进度确保

Kế hoạch lắp dựng cụ thể
具体吊装计划

Biện pháp an toàn luôn áp dụng
一直采用安全措施

KHÁCH HÀNG & ĐỐI TÁC

我们的客戶与伙伴

DANH SÁCH DỰ ÁN TIÊU BIỂU
典型工程清单

Stt 序号	Dự án & công trình 项目 & 工程	Quy mô 规模 (mt, m²)	Vị trí 地点	Phạm vi 范围
1	Bảo tàng Gấu Grand World 熊博物馆	34MT	Phú Quốc	Gia công Kết cấu thép 加工钢结构
2	JSW	115MT	USA	Gia công Kết cấu thép 加工钢结构
3	Nhà máy SX & gia cường kính cường lực	167MT	Kiên Giang	Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng 设计, 加工 , 吊装施工
4	Solar Easin	139MT	Đaklak	Gia công Kết cấu thép 加工钢结构
5	Primo	50MT	Đồng Nai	Gia công Kết cấu thép 加工钢结构
6	Perstima	680MT	Philippines	Gia công Kết cấu thép 加工钢结构
7	King Beer club	80MT	TP.HCM	Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng 设计, 加工 , 吊装施工
8	The New Gym	46MT	TP.HCM	Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng 设计, 加工 , 吊装施工
9	Khu du lịch Cẩm Thái	83MT	Bình Thuận	Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng 设计, 加工 , 吊装施工
10	Nhà máy sản xuất café IGUAKU Việt Nam - Hệ đỡ M&E	152MT	BR.VT	Gia công Kết cấu thép 加工钢结构
11	Kingpost Phú Nhuận	35MT	TP.HCM	Gia công Kết cấu thép 加工钢结构
12	Nhà máy Dệt Kim - Giai Đoạn 1	10.600m²	Quảng Ninh	Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng 设计, 加工 , 吊装施工
13	TayTay Warehouse	11.000m²	Philippines	Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng 设计, 加工 , 吊装施工
14	Nhà Kho Cho Thuê	900m²	TP.HCM	Gia công Kết cấu thép 加工钢结构
15	LIDA	233MT	Đồng Nai	Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng 设计, 加工 , 吊装施工
16	Surathani Warehouse	25MT	Thái Lan	Gia công Kết cấu thép 加工钢结构
17	Bedok	5MT	Singapore	Gia công Kết cấu thép 加工钢结构
18	Ereid Referral Center Buildings	301MT	Philippines	Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng 设计, 加工 , 吊装施工
19	Dệt Bắc Giang	12.400m²	Quảng Ninh	Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng 设计, 加工 , 吊装施工
20	Xưởng bằm nghiền mới	450m²	Bình Định	Gia công Kết cấu thép 加工钢结构
21	Trường Mẫu Giáo Hoa Sen	1.350m²	Kiên Giang	Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng 设计, 加工 , 吊装施工
22	AK - Warehouse	63MT	Guam, Mỹ	Gia công Kết cấu thép 加工钢结构
23	Island Certs Container	82MT	Guam, Mỹ	Gia công Kết cấu thép 加工钢结构
24	Las Terrazas	46MT	Philippines	Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng 设计, 加工 , 吊装施工
25	Motor Pool	98MT	Philippines	Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng 设计, 加工 , 吊装施工
26	Severstal	72MT	Nga	Gia công Kết cấu thép 加工钢结构
27	Hoa Sen Home Phan Thiết	3.000m²	Phan Thiết	Gia công Kết cấu thép 加工钢结构
28	Genpack Expansion	45MT	Papua New Guinea	Gia công Kết cấu thép 加工钢结构
29	Kho vải moc, vách ngăn	8MT	Tây Ninh	Gia công Kết cấu thép 加工钢结构
30	Mezzanine Cansport Factory	44MT	Combodia	Gia công Kết cấu thép 加工钢结构
31	Coda Resources VietNam	800m²	Long An	Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng 设计, 加工 , 吊装施工
32	Arcelor Mittal Vega	250MT	Brazil	Gia công Kết cấu thép 加工钢结构

Stt 序号	Dự án & công trình 项目 & 工程	Quy mô 规模 (mt, m²)	Vị trí 地点	Phạm vi 范围
33	Marawi Stadium	295MT	Philippines	Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng 设计, 加工 , 吊装施工
34	Conventional	249MT	Philippines	Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng 设计, 加工 , 吊装施工
35	KDC & CV Phước Thiện	288MT	TP.HCM	Gia công Kết cấu thép 加工钢结构
36	Casa Bella	1.100m²	Philippines	Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng 设计, 加工 , 吊装施工
37	Farm House	25MT	Singapore	Gia công Kết cấu thép 加工钢结构
38	Adela Hospital Phase 01	90MT	Philippines	Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng 设计, 加工 , 吊装施工
39	DCCC Warehouse Phase 01	4.950m²	Philippines	Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng 设计, 加工 , 吊装施工
40	Timber City Academy	24.600m²	Philippines	Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng 设计, 加工 , 吊装施工
41	AHU Platform	200m²	Singapore	Gia công Kết cấu thép 加工钢结构
42	Motor Pool Tagum	1440m²	Philippines	Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng 设计, 加工 , 吊装施工
43	FGR	1480m²	Philippines	Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng 设计, 加工 , 吊装施工
44	TH Ngân Quang	9.300m²	Quảng Ninh	Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng 设计, 加工 , 吊装施工
45	TDH	311MT	Philippines	Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng 设计, 加工 , 吊装施工
46	City Hardware	7.920m²	Philippines	Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng 设计, 加工 , 吊装施工
47	Xưởng sợi 5	35.000m²	Quảng Ninh	Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng 设计, 加工 , 吊装施工

DỰ ÁN TIÊU BIỂU
典型项目

BẢO TÀNG GẤU TEDDY GRAND WORLD
熊博物馆 (TEDDY GRAND WORLD)

Vị trí I 地点
Phú Quốc
越南, 富国

Phạm vi công việc I 范围
Gia công Kết cấu thép
加工钢结构

Quy mô I 规模
45MT | 吨

Thời gian thi công I 施工時間
Q3/2020 | 2020年 / 3月季度

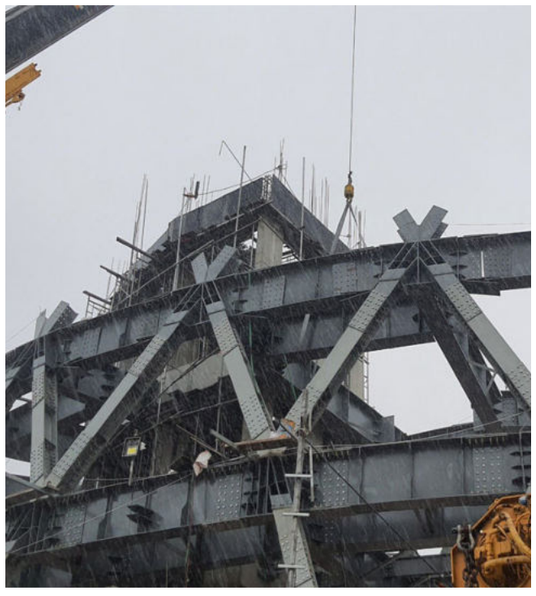

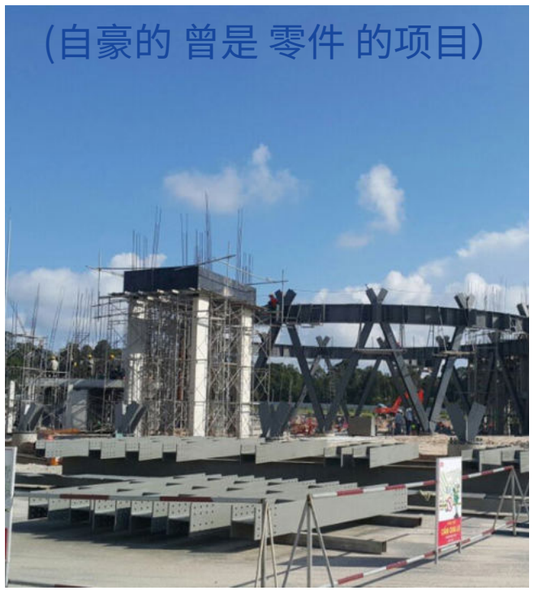

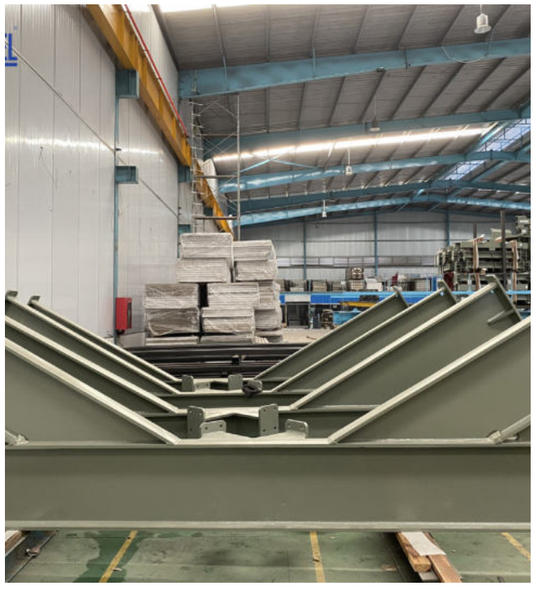

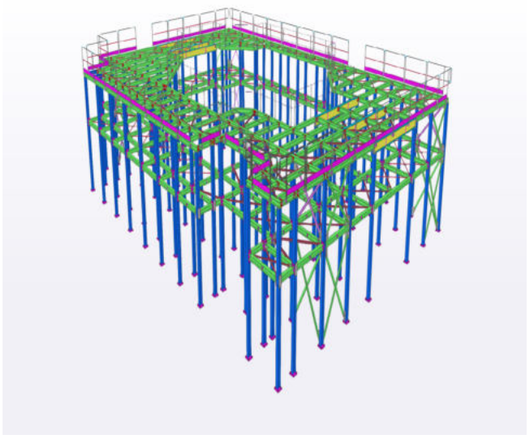

JSW

Vị trí I 地点
Mỹ
美国

Phạm vi công việc I 范围
Gia công Kết cấu thép
加工钢结构

Quy mô I 规模
115MT | 吨

Thời gian thi công I 施工時間
Q4/2020 | 2020年 / 4月季度

NHÀ MÁY KÍNH CƯỜNG LỰC
强度玻璃工厂

Vị trí I 地点
Kiên Giang
越南, 坚江

Phạm vi công việc I 范围
Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng
设计, 加工 , 吊装施工

Quy mô I 规模
10,000m² | 平方米

Thời gian thi công I 施工時間
Q1/2021 | 2021年 / 1月季度

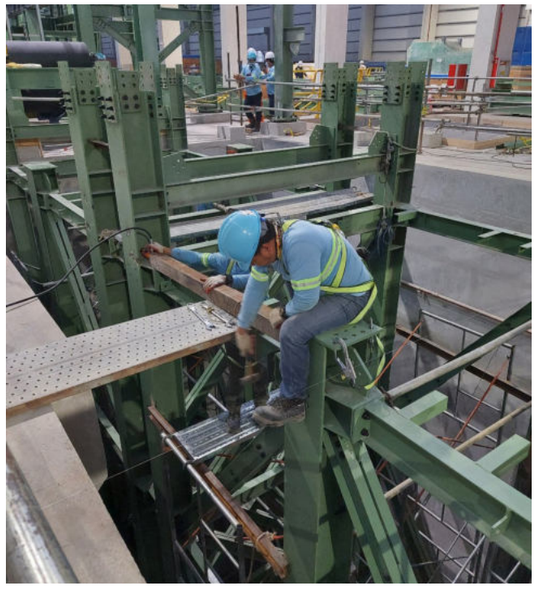

PERSTIMA

Vị trí I 地点
Philippines
菲律宾

Phạm vi công việc I 范围
Gia công Kết cấu thép
加工钢结构

Quy mô I 规模
723MT | 吨

Thời gian thi công I 施工時間
Q1/2021 | 2021年 / 1月季度

NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI MÁI NHÀ EASIN
太阳能发电工厂

Vị trí I 地点
Đak Lak
越南, 多乐

Phạm vi công việc I 范围
Gia công Kết cấu thép
加工钢结构

Quy mô I 规模
2,000m² | 平方米

Thời gian thi công I 施工時間
Q4/2020 | 2020年 / 4月季度

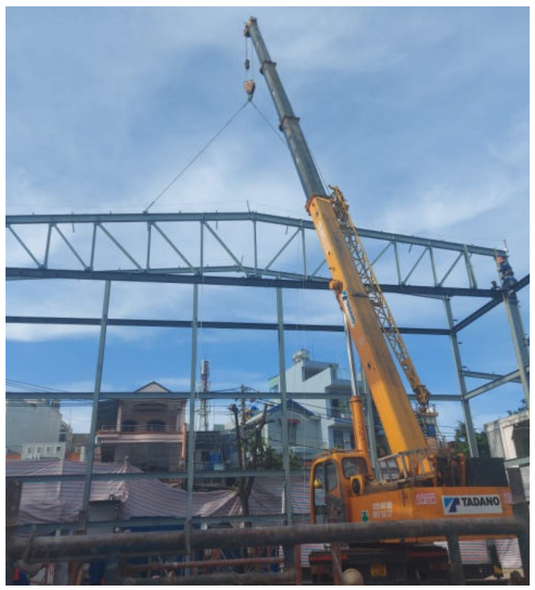

KING BEER CLUB
国王啤酒俱乐部

Vị trí I 地点
TP. Hồ Chí Minh
越南, 胡志明市

Phạm vi công việc I 范围
Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng
设计, 加工 , 吊装施工

Quy mô I 规模
700m² | 平方米

Thời gian thi công I 施工時間
Q4/2020 | 2020年 / 4月季度

THE NEW GYM
健身中心

Vị trí I 地点
TP. Hồ Chí Minh
越南, 胡志明市

Phạm vi công việc I 范围
Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng
设计, 加工 , 吊装施工

Quy mô I 规模
500m² | 平方米

Thời gian thi công I 施工時間
Q4/2020 | 2020年 / 4月季度

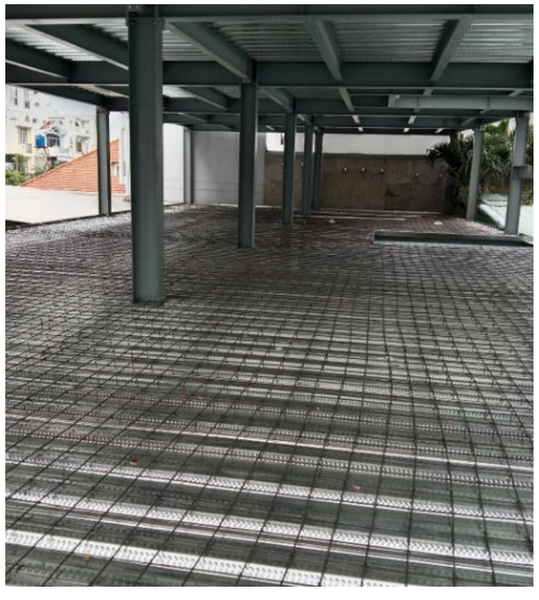

KHU DU LỊCH CẨM THÁI
Cam Thai 旅游区

Vị trí I 地点
Bình Thuận
越南, 平顺

Phạm vi công việc I 范围
Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng
设计, 加工 , 吊装施工

Quy mô I 规模
1,050m² | 平方米

Thời gian thi công I 施工時間
Q2/2021 | 2021年 / 2月季度

NHÀ MÁY DỆT KIM - GIAI ĐOẠN 1
纺织品工厂- 阶段1

Vị trí I 地点
Quảng Ninh
越南, 广宁

Phạm vi công việc I 范围
Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng
设计, 加工 , 吊装施工

Quy mô I 规模
12,000m² | 平方米

Thời gian thi công I 施工時間
Q4/2020 | 2020年 / 4月季度

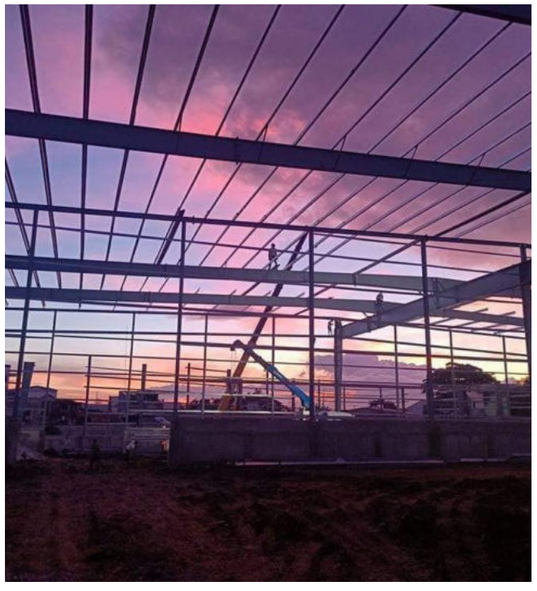

NHÀ KHO TAYTAY
TayTay 仓库

Vị trí I 地点
Philippines
菲律宾

Phạm vi công việc I 范围
Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng
设计, 加工 , 吊装施工

Quy mô I 规模
11,000m² | 平方米

Thời gian thi công I 施工時間
Q2/2021 | 2021年 / 2月季度

NHÀ MÁY SX CAFÉ IGUACU [HỆ ĐỠ M&E]

IGUACU 咖啡生产工厂

Vị trí I 地点

Bà Rịa - Vũng Tàu

越南, 巴地头顿

Phạm vi công việc I 范围

Gia công Kết cấu thép

加工钢结构

Quy mô I 规模

44MT | 吨

Thời gian thi công I 施工時間

Q1/2021 | 2021年 / 1月季度

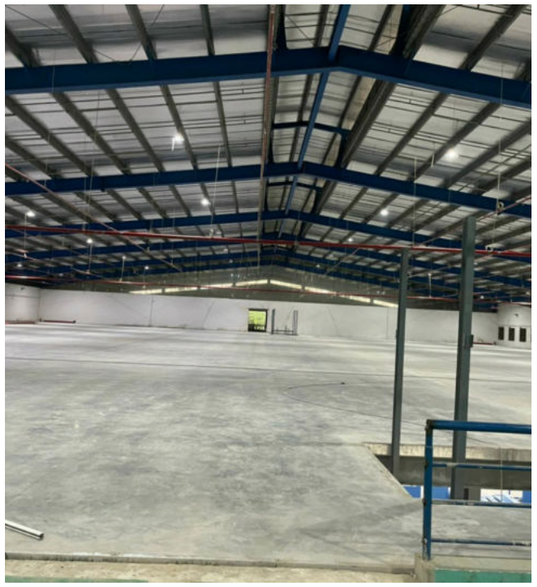

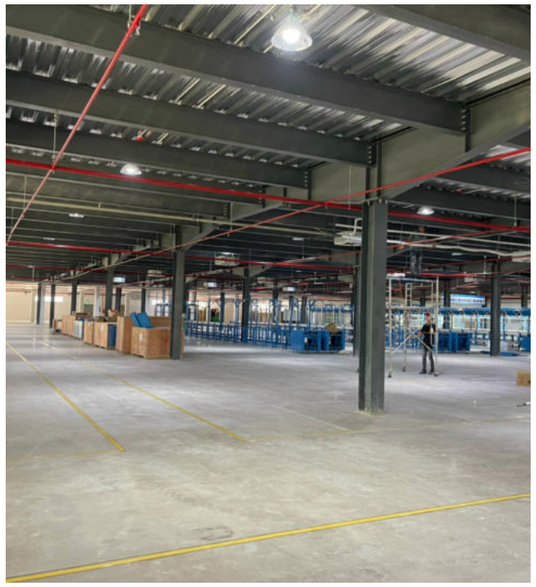

NHÀ XƯỞNG LIDA

LIDA 厂房

Vị trí I 地点

Đồng Nai

越南, 同奈

Phạm vi công việc I 范围

Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng

设计, 加工 , 吊装施工

Quy mô I 规模

6,000m² | 平方米

Thời gian thi công I 施工時間

Q2/2021 | 2021年 / 2月季度

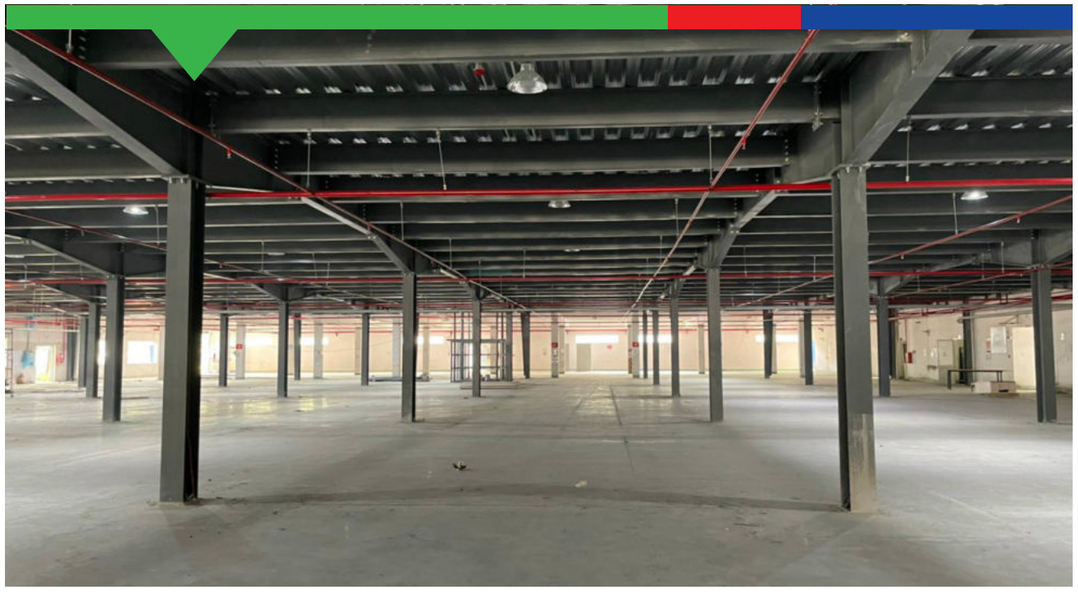

STEEL ROOF

Vị trí I 地点
Singapore
新加坡

Phạm vi công việc I 范围
Gia công Kết cấu thép
加工钢结构

Quy mô I 规模
5MT | 吨

Thời gian thi công I 施工時間
Q2/2021 | 2021年 / 2月季度

NHÀ KHO SURATHANI

Surathani 仓库

Vị trí I 地点
Thái Lan
泰国

Phạm vi công việc I 范围
Gia công Kết cấu thép
加工钢结构

Quy mô I 规模
650m² | 平方米

Thời gian thi công I 施工時間
Q2/2021 | 2021年 / 2月季度

XƯỞNG DỆT BẮC GIANG - GIAI ĐOẠN 2
北江纺织工厂 - 阶段2

Vị trí I 地点
Quảng Ninh
越南, 广宁

Phạm vi công việc I 范围
Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng
设计, 加工 , 吊装施工

Quy mô I 规模
12,400m² | 平方米

Thời gian thi công I 施工時間
Q2/2021 | 2021年 / 2月季度

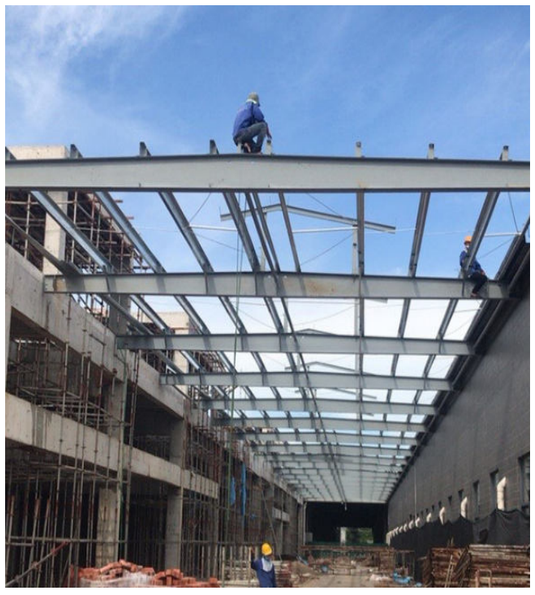

TRƯỜNG MẪU GIÁO HOA SEN
莲花幼儿园

Vị trí I 地点
Kiên Giang
越南, 坚江

Phạm vi công việc I 范围
Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng
设计, 加工 , 吊装施工

Quy mô I 规模
3,600m² | 平方米

Thời gian thi công I 施工時間
Q2/2021 | 2021年 / 2月季度

EREID REFERRAL CENTER BUILDINGS

Vị trí I 地点

Philippines

菲律宾

Phạm vi công việc I 范围

Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng

设计, 加工 , 吊装施工

Quy mô I 规模

300MT | 吨

Thời gian thi công I 施工時間

Q2/2021 | 2021年 / 2月季度

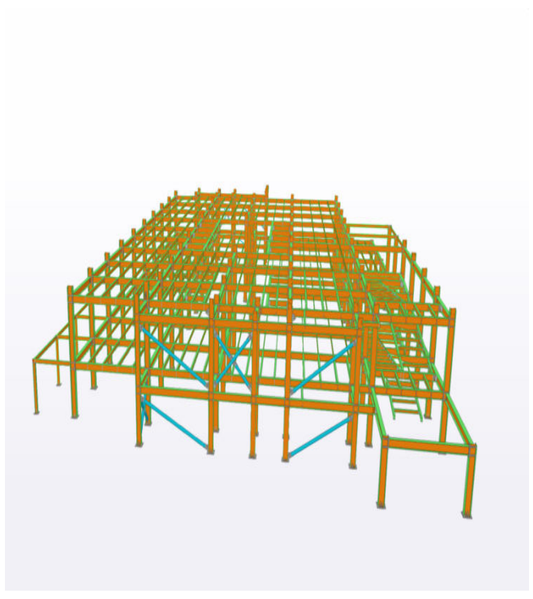

NHÀ KHO AK

AK 仓库

Vị trí I 地点

Đảo Guam, Mỹ

美国 , 关岛

Phạm vi công việc I 范围

Gia công Kết cấu thép

加工钢结构

Quy mô I 规模

63MT | 吨

Thời gian thi công I 施工時間

Q2/2021 | 2021年 / 2月季度

ISLAND CERT

Vị trí I 地点
Đảo Guam, Mỹ
美国 , 关岛

Phạm vi công việc I 范围
Gia công Kết cấu thép
加工钢结构

Quy mô I 规模
82MT | 吨

Thời gian thi công I 施工時間

LAS TERRAZAS

Vị trí I 地点
Philippines
菲律宾

Phạm vi công việc I 范围
Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng
设计, 加工 , 吊装施工

Quy mô I 规模
46MT | 吨

Thời gian thi công I 施工時間
Q3/2021 | 2021年 / 3月季度

SEVERSTAL

Vị trí I 地点

Nga
俄罗斯

Phạm vi công việc I 范围

Gia công Kết cấu thép
加工钢结构

Quy mô I 规模

Thời gian thi công I 施工時間

Q2/2021 | 2021年 / 2月季度

ARCELOR MITTAL VEGA

Vị trí I 地点

Brazil
巴西

Phạm vi công việc I 范围

Gia công Kết cấu thép
加工钢结构

Quy mô I 规模

250MT | 吨

Thời gian thi công I 施工時間

Q3/2021 | 2021年 / 3月季度

GENPACK EXPANSION

Vị trí I 地点
Papua New Guinea (PNG)
巴布亚新几内亚

Phạm vi công việc I 范围
Gia công Kết cấu thép
加工钢结构

Quy mô I 规模
45MT | 吨

Thời gian thi công I 施工時間
Q3/2021 | 2021年 / 3月季度

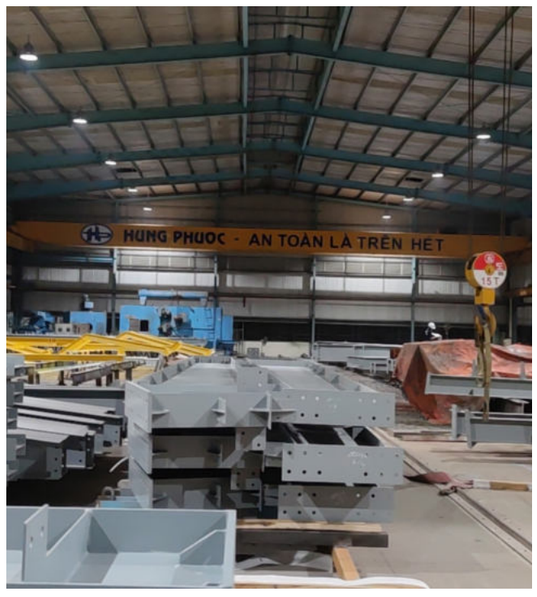

MOTOR POOL

Vị trí I 地点
Philippines
菲律宾

Phạm vi công việc I 范围
Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng
设计, 加工 , 吊装施工

Quy mô I 规模
98MT | 吨

Thời gian thi công I 施工時間
Q2/2021 | 2021年 / 2月季度

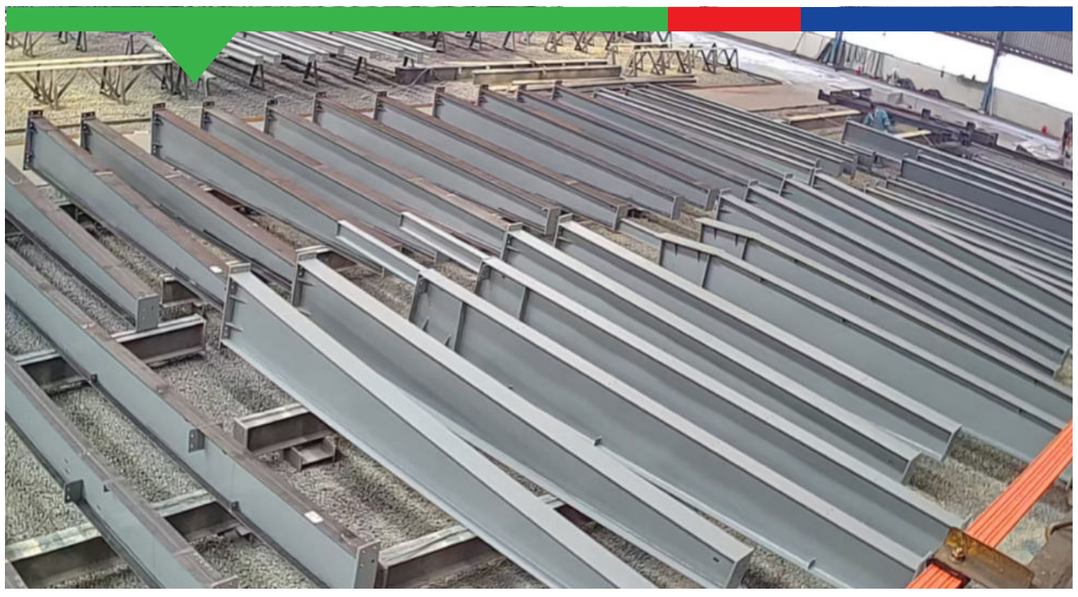

NHÀ MÁY CODA RESOURCES VIỆT NAM

Coda Resources 越南工厂

Vị trí I 地点

Long An
越南, 隆安

Phạm vi công việc I 范围

Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng
设计, 加工 , 吊装施工

Quy mô I 规模

800m² | 平方米

Thời gian thi công I 施工時間

Q3/2021 | 2021年 / 3月季度

NHÀ MÁY CAN SPORTS SHOES

Can Sport 工厂

Vị trí I 地点

Campuchia
柬埔寨

Phạm vi công việc I 范围

Gia công Kết cấu thép
加工钢结构

Quy mô I 规模

1,200m² | 平方米

Thời gian thi công I 施工時間

Q3/2021 | 2021年 / 3月季度

SÂN VẬN ĐỘNG MARAWI

Marawi 體育場

Vị trí I 地点

Philippines

菲律宾

Phạm vi công việc I 范围

Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng

设计, 加工 , 吊装施工

Quy mô I 规模

295MT | 吨

Thời gian thi công I 施工時間

Q4/2021 | 2021年 / 4月季度

CONVENTIONAL

Vị trí I 地点

Philippines

菲律宾

Phạm vi công việc I 范围

Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng

设计, 加工 , 吊装施工

Quy mô I 规模

250MT | 吨

Thời gian thi công I 施工時間

Q4/2021 | 2021年 / 4月季度

FARM HOUSE

Vị trí I 地点
Singapore
新加坡

Phạm vi công việc I 范围
Gia công Kết cấu thép
加工钢结构

Quy mô I 规模
25MT | 吨

Thời gian thi công I 施工時間
Q4/2021 | 2021年 / 4月季度

CASA BELLA

Vị trí I 地点
Philippines
菲律宾

Phạm vi công việc I 范围
Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng
设计, 加工 , 吊装施工

Quy mô I 规模
1,100m² | 平方米

Thời gian thi công I 施工時間
Q4/2021 | 2021年 / 4月季度

NHÀ KHO DCCC - GIAI ĐOẠN 1

DCCC 仓库 - 阶段*1*

Vị trí I 地点

Philippines

菲律宾

Phạm vi công việc I 范围

Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng

设计, 加工 , 吊装施工

Quy mô I 规模

4,950m² | 平方米

Thời gian thi công I 施工時間

Q4/2021 | 2021年 / 4月季度

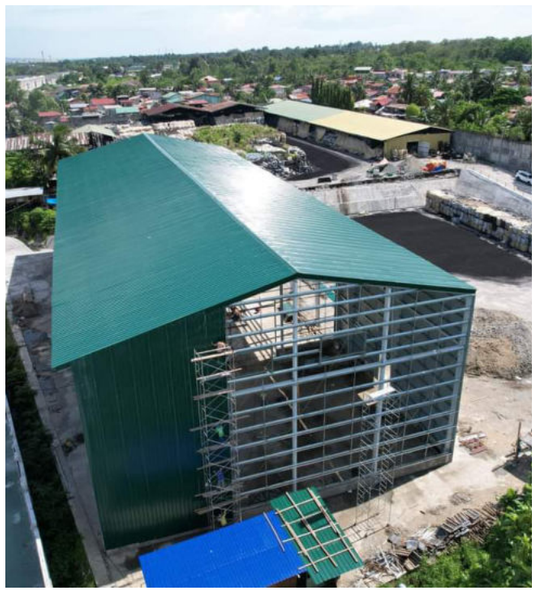

BỆNH VIỆN ADELA - GIAI ĐOẠN 1

Adela 医院 - 阶段*1*

Vị trí I 地点

Philippines

菲律宾

Phạm vi công việc I 范围

Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng

设计, 加工 , 吊装施工

Quy mô I 规模

90MT | 吨

Thời gian thi công I 施工時間

Q4/2021 | 2021年 / 4月季度

TIMBER CITY ACADEMY

Vị trí I 地点
Philippines
菲律宾

Phạm vi công việc I 范围
Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng
设计, 加工 , 吊装施工

Quy mô I 规模
24,600m² | 平方米

Thời gian thi công I 施工時間
Q4/2021 | 2021年 / 4月季度

MOTOR POOL TAGUM ACADEMY

Vị trí I 地点
Philippines
菲律宾

Phạm vi công việc I 范围
Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng
设计, 加工 , 吊装施工

Quy mô I 规模
1,440m² | 平方米

Thời gian thi công I 施工時間
Q4/2021 | 2021年 / 4月季度

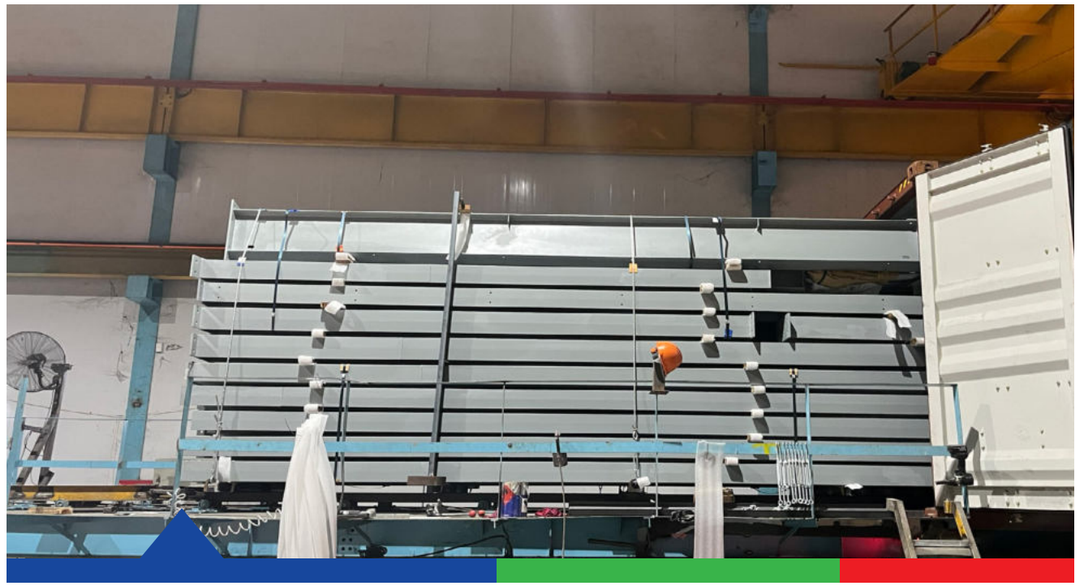

FGR COMMERCIAL COMPLEX

Vị trí I 地点

Philippines

菲律宾

Phạm vi công việc I 范围

Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng

设计, 加工 , 吊装施工

Quy mô I 规模

1,480m² | 平方米

Thời gian thi công I 施工時間

Q1/2022 | 2022年 / 1月季度

XƯỞNG SỢI 5 - THI CÔNG TRONG 3 TUẦN
纱工厂5 - 三周内施工

Vị trí I 地点

Quảng Ninh

越南, 广宁

Phạm vi công việc I 范围

Thiết Kế, Gia Công, Thi công lắp dựng

设计, 加工 , 吊装施工

Quy mô I 规模

35,000m² | 平方米

Thời gian thi công I 施工時間

Q2/2022 | 2022年 / 2月季度

www.LuckySteel.vn

LUCKY STEEL®
BUILDING WITH CARE

CÔNG TY CỔ PHẦN LUCKY STEEL BUILDINGS
吉利钢结构股份公司

VĂN PHÒNG I 办公室

Lầu 6, C.T Building, 56 Yên Thế , Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Viet Nam

越南胡志明市新平郡安世街56号C.T大厦06楼

+84 (0) 28 3535 2668

+84 (0) 28 3535 2664

info@LuckySteel.vn

www.LuckySteel.vn

NHÀ MÁY I 工厂

Khu Công Nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương (~ 50 km từ TP.HCM)

平阳省，槟吉，美福三工业园区（距胡志明市约50公里）